

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2018

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHÓA 2015

(Kèm theo công văn số:18/KGDTC ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Trường khoa Khoa Giáo dục Thể chất)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
1	317045151109	Uông Thị Thu	Hà	22/4/1997		15CBC1	0.0	F									Thiếu điểm	Không đạt	
2	317045151111	Đỗ Thị Thu	Hằng	12/9/1997		15CBC1	6.1	C	6.4	C	6.5	C	7.6	B	8.1	B	2.40	Trung bình	
3	317045151119	Lê Thị	Linh	04/4/1997		15CBC1	5.5	C	6.0	C	6.0	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
4	317045151120	Mai Tuyết	Linh	25/10/1997		15CBC1	6.5	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
5	317045151125	Nguyễn Trần Kim	My	23/8/1997	Quảng Nam	15CBC1	5.6	C	6.1	C	7.4	B	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
6	317045151126	Lâm Quang	Nam	06/01/1997		15CBC1											Thiếu điểm	Không đạt	
7	317045151129	Dương Vũ Hào	Nhi	06/4/1997		15CBC1	5.6	C	5.1	D	5.9	C	5.6	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
8	317045151131	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/6/1997		15CBC1	6.9	C	7.9	B							Thiếu điểm	Không đạt	
9	317045151132	Bùi Thị Trinh	Nữ	17/02/1997		15CBC1	7.1	B	7.1	B	6.8	C	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
10	317045151134	Nguyễn Thị Thảo	Phương	24/5/1997		15CBC1	5.6	C	6.0	C	6.4	C	5.6	C	6.1	C	2.00	Trung bình	
11	317045151137	Lê Anh	Son	07/01/1996		15CBC1	8.9	A	7.6	B	9.7	A	9.3	A	10.0	A	3.80	Xuất sắc	
12	317045151142	Nguyễn Thị Thanh	Thi	08/7/1997		15CBC1	5.6	C	6.6	C	6.5	C	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
13	317045151145	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/10/1997	Quảng Nam	15CBC1	6.5	C	3.2	F	6.0	C	5.8	C	6.9	C	1.60	Không đạt	
14	317045151155	Trần Thị Thúy	Vân	23/6/1997	Thừa Thiên Huế	15CBC1	4.5	D	5.2	D	7.6	B	6.4	C	6.0	C	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
15	317045151156	Lê Thị Tường Vân	26/7/1997		15CBC1	8.1	B	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	
16	317045151159	Trương Nguyễn Tường Vy	04/8/1997	Quảng Nam	15CBC1	5.0	D	6.1	C	7.0	B	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
17	317046151103	Dương Thị Minh Châu	21/02/1997		15CBC2	4.0	D			5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
18	317046151108	Nguyễn Thị Thảo Giang	12/4/1997	Kon Tum	15CBC2	5.9	C	5.2	D	6.2	C	6.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
19	317046151109	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	06/6/1997		15CBC2	5.7	C	6.1	C							Thiếu điểm	Không đạt	
20	317046151116	Trần Thị Lan Hương	04/11/1997	Thanh Hóa	15CBC2	5.9	C	0.0	F	7.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	
21	317046151145	Võ Thị Thanh Thùy	13/4/1997		15CBC2	7.8	B	6.4	C							Thiếu điểm	Không đạt	
22	317046151146	Nguyễn Thị Thanh Thùy	25/3/1996		15CBC2	6.1	C	7.3	B							Thiếu điểm	Không đạt	
23	317046151151	Trịnh Thị Kiều Trinh	05/01/1997		15CBC2	6.2	C	1.7	F							Thiếu điểm	Không đạt	
24	317046151154	Đặng Thị Tố Uyên	10/01/1997		15CBC2	5.7	C	6.3	C	7.0	B	5.6	C	7.7	B	2.40	Trung bình	
25	317046151161	Phạm Văn Hà	10/12/1997	Kon Tum	15CBC2	7.0	B	7.4	B	8.4	B			6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
26	319043151102	Đỗ Kỳ Anh	03/6/1997		15CDDL	5.1	D									Thiếu điểm	Không đạt	
27	319043151103	Nguyễn Thị Ánh	22/10/1996		15CDDL	6.0	C	7.6	B	7.0	B	5.8	C	6.9	C	2.40	Trung bình	
28	319043151106	Ngô Nguyên Bình	22/01/1997		15CDDL	6.8	C	4.7	D							Thiếu điểm	Không đạt	
29	319043151107	Mai Đức Chiến	03/10/1996		15CDDL	5.8	C	2.9	F							Thiếu điểm	Không đạt	
30	319043151109	Nguyễn Ngọc Diệu	30/10/1997		15CDDL	5.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
31	319043151111	Lê Tùng Dương	27/10/1997		15CDDL	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
32	319043151113	Nguyễn Châu Thục Đoan	31/3/1997	Đà Nẵng	15CDDL	6.8	C	5.8	C	5.7	C	4.1	D	6.1	C	1.80	Không đạt	
33	319043151114	Dương Phan Phương Giang	15/6/1997		15CDDL	6.8	C	6.9	C	6.8	C	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
34	319043151115	Nguyễn Minh	Hạ	28/5/1997		15CDDL	6.2	C	5.7	C	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
35	319043151117	Nguyễn Thị	Hằng	19/7/1997	Quảng Nam	15CDDL	6.4	C	2.0	F	6.0	C	5.8	C	6.0	C	1.60	Không đạt	
36	319043151118	Nguyễn Thị	Hạnh	12/02/1997	Nghệ An	15CDDL	7.3	B	8.0	B	7.5	B	4.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
37	319043151120	Lê Thị	Hội	02/4/1996		15CDDL	1.5	F									Thiếu điểm	Không đạt	
38	319043151122	Bành Thị Thanh	Kiều	23/01/1997	Khánh Hòa	15CDDL	6.8	C	6.0	C	7.3	B	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
39	319043151124	Nguyễn Thị	Mai	28/9/1996		15CDDL	1.5	F									Thiếu điểm	Không đạt	
40	319043151129	Nguyễn Hoài	Nhi	19/3/1997		15CDDL	1.5	F	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
41	319043151132	Phạm Hồng	Quang	23/6/1997		15CDDL	6.5	C	5.6	C	5.3	D	5.7	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
42	319043151133	Võ Quang	Quốc	05/11/1997		15CDDL	4.5	D									Thiếu điểm	Không đạt	
43	319043151134	Võ Linh	Quyên	18/11/1997		15CDDL											Thiếu điểm	Không đạt	
44	319043151135	Nguyễn Anh	Son	01/7/1997		15CDDL											Thiếu điểm	Không đạt	
45	319043151136	Phạm Thị Thảo	Sương	03/3/1997		15CDDL	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
46	319043151138	Hồ Huỳnh Tấn	Tài	02/5/1996		15CDDL	2.7	F	4.7	D	5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
47	319043151141	Nguyễn Thị	Thảo	07/10/1997		15CDDL	6.8	C			6.0	C	7.0	B	7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
48	319043151144	Trần Minh	Thọ	07/9/1996	Quảng Nam	15CDDL	6.9	C	6.4	C	6.6	C	3.0	F	6.6	C	1.60	Không đạt	
49	319043151145	Lê Thị Kim	Thoa	16/6/1995	Ninh Thuận	15CDDL	7.3	B	6.3	C	5.6	C	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
50	319043151149	Hồ Phước	Toàn	28/7/1997		15CDDL	7.1	B	6.8	C	6.1	C	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
51	319043151151	Mai Thị Mỹ	Trinh	23/6/1997		15CDDL	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
52	319043151154	Nguyễn Việt	Tuấn	16/9/1997		15CDDL	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
53	319043151156	Đậu Công Văn	13/7/1997		15CDDL	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
54	319043151157	Lê Thị Tường Vi	01/01/1997		15CDDL	6.4	C	8.7	A							Thiếu điểm	Không đạt	
55	319043151161	Nguyễn Thị Tường Vy	14/6/1996		15CDDL	6.4	C	6.1	C							Thiếu điểm	Không đạt	
56	319043151162	Lê Đăng Minh Ý	18/7/1994		15CDDL	5.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
57	319032151101	Phạm Phú Cường	25/7/1997		15CDMT	5.2	D									Thiếu điểm	Không đạt	
58	319032151102	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	25/10/1996		15CDMT	7.9	B	5.6	C	6.0	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
59	319032151104	Lê Tiến Dũng	09/11/1997		15CDMT	6.1	C									Thiếu điểm	Không đạt	
60	319032151105	Trịnh Quang Duy	21/5/1997		15CDMT											Thiếu điểm	Không đạt	
61	319032151111	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/9/1997		15CDMT	8.2	B									Thiếu điểm	Không đạt	
62	319032151119	Huỳnh Công Hoàng Long	26/10/1997		15CDMT			1.5	F	6.6	C	7.7	B	7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
63	319032151123	Nguyễn Thị Trà My	23/6/1997		15CDMT	7.9	B									Thiếu điểm	Không đạt	
64	319032151127	Nguyễn Hiếu Nhân	31/8/1997		15CDMT	7.1	B	5.5	C	7.7	B	8.4	B	7.0	B	2.80	Khá	
65	319032151128	Trần Lê Ý Nhi	16/01/1997		15CDMT	6.4	C	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
66	319032151129	Huỳnh Thị Loan Nhi	12/10/1997		15CDMT	7.2	B									Thiếu điểm	Không đạt	
67	319032151131	Hoàng Thiện Phú	22/5/1997		15CDMT	1.5	F									Thiếu điểm	Không đạt	
68	319032151132	Nguyễn Trần Phúc	01/3/1997		15CDMT	6.3	C	7.7	B			8.7	A	7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
69	319032151133	Nguyễn Thị Hoài Phương	14/3/1997		15CDMT	7.6	B	7.0	B	6.5	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
70	319032151134	Nguyễn Thị Thanh Phương	19/9/1997		15CDMT											Thiếu điểm	Không đạt	
71	319032151136	Nguyễn Hồng Thảo Quyên	25/3/1997		15CDMT	7.9	B	6.9	C							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
72	319032151144	Bùi Minh	Tiến	24/9/1997		15CDMT	7.7	B	1.5	F			7.2	B	7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
73	319032151145	Phạm Huỳnh Tuyết	Tiên	01/02/1997		15CDMT	6.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
74	319032151146	Vũ Quốc	Tĩnh	03/4/1995		15CDMT	6.5	C	1.2	F							Thiếu điểm	Không đạt	
75	319032151148	Nguyễn Hữu	Toàn	27/3/1997	Đà Nẵng	15CDMT	6.0	C	5.0	D	5.8	C	6.3	C	6.3	C	1.80	Không đạt	
76	319032151150	Thái Trung	Tuấn	06/02/1997		15CDMT	4.8	D	3.2	F	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
77	319032151151	Võ Quốc	Tuấn	25/02/1997	Đà Nẵng	15CDMT	4.4	D	5.5	C	6.8	C	6.9	C	6.2	C	1.80	Không đạt	
78	319032151157	Nguyễn Xuân	Việt	15/12/1997		15CDMT	5.7	C			7.2	B	3.4	F	7.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
79	319032151159	Nguyễn Duy	Vươn	02/01/1997		15CDMT	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
80	319032151161	Phạm Thị Mỹ	Yến	16/4/1997		15CDMT	7.7	B	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
81	319032151162	Phạm Quang	Trường	30/10/1996		15CDMT	7.3	B	4.1	D							Thiếu điểm	Không đạt	
82	314033151107	Lương Văn	Đạt	29/6/1997	Nghệ An	15CHD1	9.3	A	7.7	B	7.4	B	7.2	B			Thiếu điểm	Không đạt	
83	314033151110	Ngô Thị	Hà	10/9/1997		15CHD1	7.3	B	5.7	C							Thiếu điểm	Không đạt	
84	314033151111	Hồ Ngọc Minh	Hải	20/3/1996		15CHD1	7.8	B	6.0	C	5.9	C	5.7	C	1.2	F	1.80	Không đạt	
85	314033151115	Nguyễn Xuân	Hào	24/02/1997		15CHD1	7.9	B			6.5	C	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
86	314033151116	Phạm Xuân	Hậu	03/12/1997		15CHD1	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
87	314033151118	Trần Thị	Huệ	24/02/1996	Quảng Nam	15CHD1	6.8	C	0.0	F	6.4	C	8.5	A	7.0	B	2.20	Không đạt	
88	314033151122	Võ Thị Hoài	Linh	01/01/1997		15CHD1	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
89	314033151124	Nguyễn Hữu	Lộc	05/8/1997		15CHD1	6.6	C	1.5	F							Thiếu điểm	Không đạt	
90	314033151125	Lê Hoàng	Lộc	08/10/1997		15CHD1											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
91	314033151127	Võ Thị Trà	My	06/3/1997		15CHD1	6.8	C	6.3	C	5.7	C	7.0	B	6.7	C	2.20	Trung bình	
92	314033151128	Lưu Hoài	Nam	09/7/1996		15CHD1	9.4	A	2.4	F	6.8	C	6.3	C	1.8	F	1.60	Không đạt	
93	314033151129	Bùi Thị Kim	Ngân	05/8/1997	Phú Yên	15CHD1	6.8	C			7.8	B	7.0	B	7.6	B	Thiếu điểm	Không đạt	
94	314033151132	Đặng Thị Thanh	Nhàn	15/8/1997		15CHD1	7.3	B	6.1	C	6.8	C	6.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
95	314033151135	Đoàn Ngọc	Quang	10/02/1985		15CHD1											Thiếu điểm	Không đạt	
96	314033151138	Bùi Minh	Quyết	22/10/1997		15CHD1	7.5	B									Thiếu điểm	Không đạt	
97	314033151141	Phạm Thị Minh	Tâm	14/01/1995	Đà Nẵng	15CHD1	6.8	C			4.8	D	6.6	C	8.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
98	314033151147	Nguyễn Thị	Thúy	01/01/1997		15CHD1	7.3	B	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
99	314033151149	Lê Thị Hà	Trang	18/10/1996		15CHD1	6.8	C	4.1	D							Thiếu điểm	Không đạt	
100	314033151151	Hồ Thị Kim	Trúc	07/9/1997	Đà Nẵng	15CHD1	6.3	C	4.8	D	6.4	C	5.3	D	6.7	C	1.60	Không đạt	
101	314033151154	Lê Thị Phương	Tuyết	03/01/1997		15CHD1	6.8	C	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
102	314033151157	Trần Tấn	Xin	19/10/1995		15CHD1	6.4	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
103	314033151158	Phạm Thị	Ánh	13/3/1996		15CHD1	6.8	C	5.9	C	7.0	B	5.8	C	7.3	B	2.40	Trung bình	
104	314034151101	Phan Thị	Ái	24/6/1997		15CHD2	6.8	C	7.1	B	6.9	C	8.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
105	314034151102	Nguyễn Thị Kim	Ánh	02/01/1997	Thừa Thiên Huế	15CHD2	6.8	C	5.9	C	6.0	C			8.7	A	Thiếu điểm	Không đạt	
106	314034151103	Nguyễn Kha Thanh	Bình	01/02/1997		15CHD2	6.4	C	1.8	F							Thiếu điểm	Không đạt	
107	314034151106	Nguyễn Thị Thùy	Dương	28/11/1997		15CHD2	6.8	C	6.0	C	6.0	C	6.1	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
108	314034151107	Lê Anh	Duy	31/8/1994		15CHD2	8.5	A									Thiếu điểm	Không đạt	
109	314034151109	Nguyễn Thanh	Hải	31/10/1997	Quảng Nam	15CHD2	4.8	D	5.2	D	6.3	C	5.8	C	6.3	C	1.60	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
110	314034151112	Lê Thị Thanh	Hiếu	15/01/1997	Đà Nẵng	15CHD2	6.8	C	6.2	C	6.5	C			8.9	A	Thiếu điểm	Không đạt	
111	314034151113	Lê Như	Hoa	15/11/1997		15CHD2	6.8	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
112	314034151114	Đoàn Thị	Hoa	29/11/1997		15CHD2	6.3	C			6.0	C	7.1	B	7.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
113	314034151115	Mai Nhật	Hoàng	04/6/1997	Đà Nẵng	15CHD2	8.9	A	4.0	D	6.0	C			6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
114	314034151116	Trương Văn	Hoàng	08/12/1997		15CHD2	9.0	A	7.6	B	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
115	314034151121	Võ Thị Kiều	My	14/10/1997	Đà Nẵng	15CHD2	7.1	B			7.0	B	6.1	C	7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
116	314034151122	Lê Thị Thu	Nga	09/7/1997	Quảng Ngãi	15CHD2	7.3	B	7.1	B	5.9	C	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
117	314034151124	Thân Thị Thảo	Nhi	26/4/1997		15CHD2	6.8	C	3.3	F							Thiếu điểm	Không đạt	
118	314034151125	Đỗ Thị Thục	Nhi	15/10/1997	Đà Nẵng	15CHD2	6.8	C	6.2	C	6.5	C			7.8	B	Thiếu điểm	Không đạt	
119	314034151126	Đỗ Thị	Nhi	08/11/1997	Quảng Nam	15CHD2	6.8	C	5.9	C	7.6	B	8.2	B			Thiếu điểm	Không đạt	
120	314034151127	Trần Thị Diễm	Phúc	18/3/1997	Đà Nẵng	15CHD2	6.8	C	5.6	C	5.8	C	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
121	314034151128	Cao Văn	Quý	03/10/1996		15CHD2	5.9	C	4.6	D	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
122	314034151132	Đinh Thị Ngọc	Tài	20/01/1997		15CHD2	7.3	B	6.3	C	7.0	B	6.0	C	6.0	C	2.40	Trung bình	
123	314034151138	Đinh Thị Linh	Thảo	21/02/1997	Khánh Hòa	15CHD2	8.6	A	7.6	B	7.4	B			8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
124	314034151139	Lê Thị	Thọ	19/02/1997		15CHD2	6.8	C	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
125	314034151140	Nguyễn Thị Kim	Thoa	06/6/1997	Quảng Ngãi	15CHD2	7.3	B	6.4	C	6.4	C	9.0	A			Thiếu điểm	Không đạt	
126	314034151141	Huỳnh Thị	Thuận	04/8/1997		15CHD2	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
127	314034151147	Võ Thủy	Trang	25/7/1997		15CHD2	7.1	B	5.8	C	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
128	314034151148	Huỳnh Thị Thiên	Trang	22/01/1997		15CHD2	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
129	314034151156	Nguyễn Đình Ánh Vũ	18/01/1997		15CHD2	8.9	A	5.3	D							Thiếu điểm	Không đạt	
130	314056151101	Nguyễn Trần Thiên Ân	14/3/1997		15CHDE	7.0	B	5.7	C	6.4	C	6.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
131	314056151102	Đàm Thị Lan Anh	28/11/1996		15CHDE	7.9	B	7.1	B	6.2	C	6.0	C	7.1	B	2.60	Khá	
132	314056151103	Lê Hoài Bảo	01/12/1997		15CHDE	7.2	B	6.8	C	6.9	C	6.5	C	7.3	B	2.40	Trung bình	
133	314056151104	Lê Thị Thái Bình	28/9/1997		15CHDE	7.9	B	6.5	C	5.8	C	6.1	C	7.1	B	2.40	Trung bình	
134	314056151105	Trần Mỹ Dung	07/3/1997		15CHDE	7.9	B	7.1	B	7.0	B	6.0	C	7.1	B	2.80	Khá	
135	314056151106	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/6/1997		15CHDE	7.9	B	6.8	C	7.1	B	6.8	C	7.4	B	2.60	Khá	
136	314056151108	Đỗ Trà Giang	08/12/1997		15CHDE	7.9	B	6.5	C	8.3	B	6.4	C	8.1	B	2.60	Khá	
137	314056151110	Phan Thị Trà Giang	23/6/1997		15CHDE	7.4	B	7.0	B	6.9	C	6.2	C	6.0	C	2.40	Trung bình	
138	314056151111	Phan Thu Hằng	22/11/1996		15CHDE	7.9	B	7.3	B	6.3	C	7.6	B	7.2	B	2.80	Khá	
139	314056151112	Trần Phước Hanh	08/4/1997		15CHDE	9.0	A	6.8	C	6.9	C	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
140	314056151113	Lê Hoàng	01/7/1997		15CHDE	8.9	A	6.5	C							Thiếu điểm	Không đạt	
141	314056151114	Huỳnh Nam Hưng	29/12/1997		15CHDE	8.4	B	5.5	C	4.2	D	5.3	D			Thiếu điểm	Không đạt	
142	314056151115	Văn Thanh Thiên Hương	01/6/1997		15CHDE	7.9	B	6.0	C	8.7	A	6.5	C	6.3	C	2.60	Khá	
143	314056151116	Nguyễn Thanh Huy	22/11/1993		15CHDE	7.2	B	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
144	314056151117	Trần Lê Cường Khánh	18/5/1997		15CHDE	8.4	B	7.8	B							Thiếu điểm	Không đạt	
145	314056151118	Nguyễn Thành Luân	30/12/1997		15CHDE											Thiếu điểm	Không đạt	
146	314056151119	Phan Thị Kim Mẫn	17/8/1997		15CHDE	7.4	B	6.7	C	7.7	B	7.3	B	6.2	C	2.60	Khá	
147	314056151120	Phan Thị Mỹ Ngọc	27/6/1997		15CHDE	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
148	314056151121	Phan Thị Nguyệt	17/3/1996		15CHDE	7.4	B	6.7	C	6.3	C	6.9	C	7.6	B	2.40	Trung bình	
149	314056151122	Nguyễn Thị Nhân	12/02/1997		15CHDE	7.9	B	6.8	C	7.9	B	6.5	C	6.6	C	2.40	Trung bình	
150	314056151123	Lê Kha Thùy	24/6/1995		15CHDE	8.2	B	6.8	C	7.8	B	6.7	C	7.0	B	2.60	Khá	
151	314056151124	Trần Thị Phương	27/8/1997		15CHDE	7.4	B	6.8	C	8.7	A	6.8	C	7.4	B	2.80	Khá	
152	314056151125	Đặng Minh	10/12/1997		15CHDE	8.4	B	6.4	C	7.3	B	8.3	B	7.0	B	2.80	Khá	
153	314056151126	Lê Ngọc	01/11/1997		15CHDE	9.0	A	6.2	C	6.9	C	6.7	C	6.4	C	2.40	Trung bình	
154	314056151127	Lê Đức Duy	05/9/1997		15CHDE	6.9	C	4.6	D	6.4	C	5.8	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
155	314056151128	Nguyễn Thị Huỳnh	13/7/1997		15CHDE	8.2	B	6.5	C			6.2	C	6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
156	314056151129	Dương Thị	30/12/1997		15CHDE	7.7	B	7.0	B							Thiếu điểm	Không đạt	
157	314056151130	Nguyễn Thị Mai	04/9/1997		15CHDE	7.9	B	6.1	C	7.4	B	6.3	C	6.5	C	2.40	Trung bình	
158	314056151131	Ngô Thị Minh	30/8/1996		15CHDE	7.9	B	7.1	B	8.9	A	6.8	C	8.6	A	3.20	Giỏi	
159	314056151132	Phạm Lý Thu	21/5/1997		15CHDE	7.4	B	6.8	C	4.8	D	6.2	C	6.5	C	2.00	Trung bình	
160	314056151133	Phan Mai Phương	02/01/1997		15CHDE	7.9	B	6.1	C							Thiếu điểm	Không đạt	
161	314056151134	Bùi Thị Oanh	22/7/1997		15CHDE	7.4	B	7.6	B	7.2	B	6.1	C	7.1	B	2.80	Khá	
162	314056151135	Lê Thị Thanh	30/6/1997		15CHDE	7.9	B	7.1	B	6.2	C	6.5	C	7.1	B	2.60	Khá	
163	314056151136	Nguyễn Thị	16/5/1997		15CHDE	7.4	B	8.1	B	5.9	C	7.5	B	6.3	C	2.60	Khá	
164	314056151137	Hoàng Vũ Tuyết	10/02/1996		15CHDE	7.2	B	6.4	C	8.9	A					Thiếu điểm	Không đạt	
165	314056151138	Nguyễn Thị Ngọc	11/4/1997		15CHDE	7.9	B	6.8	C	6.1	C	6.2	C	6.8	C	2.20	Trung bình	
166	314056151139	Tô Thị Huyền	01/10/1997		15CHDE											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
167	314056151140	Trần Thị Nhã	Trúc	01/01/1997		15CHDE	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
168	314056151141	Nguyễn Tấn	Trung	30/01/1993		15CHDE	9.4	A	6.1	C	7.0	B	5.7	C	6.9	C	2.60	Khá	
169	314056151142	Hoàng Anh	Tuấn	06/9/1996		15CHDE	8.9	A	0.9	F	4.8	D	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
170	314056151143	Trần Công	Tùng	29/11/1997		15CHDE	6.8	C	7.3	B	6.3	C	7.2	B	6.3	C	2.40	Trung bình	
171	314056151144	Lê Thị Hồng	Vân	03/11/1997		15CHDE	7.7	B	6.0	C	6.5	C	6.1	C	6.6	C	2.20	Trung bình	
172	314056151145	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	15/11/1997		15CHDE	7.7	B	6.8	C	6.9	C	5.8	C	7.1	B	2.40	Trung bình	
173	314056151146	Lê Thị Anh	Việt	03/11/1997		15CHDE	7.9	B	6.8	C	6.8	C	6.8	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
174	314056151147	Lê Văn Minh	Vương	25/3/1997		15CHDE	8.0	B	5.7	C	5.6	C	6.2	C	6.4	C	2.20	Trung bình	
175	314056151148	Bùi Thị Tường	Vy	25/11/1997		15CHDE	7.9	B	7.3	B	6.8	C	6.2	C	5.8	C	2.40	Trung bình	
176	314056151149	Trần Lê Uyên	Vy	07/10/1997		15CHDE	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
177	314056151150	Trần Ngô Minh	Quốc	09/6/1997		15CHDE			7.0	B			6.3	C	4.5	D	Thiếu điểm	Không đạt	
178	314022151102	Lương Ngọc	Cẩm	08/3/1997		15CHP	7.9	B	5.5	C	6.0	C	6.8	C	6.5	C	2.20	Trung bình	
179	314022151102	Lương Ngọc	Cẩm	08/3/1997	Quảng Nam	15CHP											Thiếu điểm	Không đạt	
180	314022151103	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	06/9/1997		15CHP	7.1	B	8.7	A							Thiếu điểm	Không đạt	
181	314022151105	Lê Ngọc	Hà	28/12/1997	Đà Nẵng	15CHP	8.9	A	6.3	C			8.1	B	7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
182	314022151106	Trần Thị Hồng	Hạnh	07/9/1997		15CHP	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
183	314022151107	Lưu Hồng	Hạnh	22/8/1997		15CHP	6.9	C	4.0	D							Thiếu điểm	Không đạt	
184	314022151111	Đặng Duy	Hòa	27/7/1996	Đà Nẵng	15CHP	8.0	B	5.8	C	4.6	D	5.8	C	5.3	D	1.80	Không đạt	
185	314022151113	Phan Thị Ngọc	Huyền	20/02/1995		15CHP	7.7	B	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
186	314022151115	Nguyễn Thị Ánh	Kim	12/12/1997		15CHP	6.7	C	5.7	C	5.5	C	4.9	D			Thiếu điểm	Không đạt	
187	314022151122	Võ Việt	Nga	11/5/1997		15CHP	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
188	314022151125	Phạm Hoàng	Nhân	21/10/1996		15CHP	7.6	B	5.5	C	6.3	C	7.4	B	7.1	B	2.60	Khá	
189	314022151125	Phạm Hoàng	Nhân	21/10/1997	Quảng Nam	15CHP											Thiếu điểm	Không đạt	
190	314022151126	Nguyễn Văn	Nhiều	30/7/1997		15CHP	2.7	F									Thiếu điểm	Không đạt	
191	314022151128	Phan Thị	Niệm	17/7/1996		15CHP	6.6	C	6.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
192	314022151130	Đặng Nhất	Phương	30/01/1997		15CHP	7.4	B	8.1	B	6.0	C	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
193	314022151135	Ngô Thị Bích	Thanh	15/9/1997		15CHP	7.9	B									Thiếu điểm	Không đạt	
194	314022151136	Trần Tấn	Thành	18/01/1997	Quảng Nam	15CHP	8.8	A			7.4	B			5.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
195	314022151140	Trương Công	Thuận	09/4/1997	Đà Nẵng	15CHP	9.2	A	6.1	C	0.0	F	6.6	C	6.8	C	2.00	Không đạt	
196	314022151148	Nguyễn Thành	Vũ	10/3/1997		15CHP	2.7	F									Thiếu điểm	Không đạt	
197	314022151149	Trần Hoàng	Vương	24/9/1997	Quảng Nam	15CHP	9.4	A	5.8	C	6.3	C			7.6	B	Thiếu điểm	Không đạt	
198	314022151152	Nguyễn Lê Linh	Đan	18/8/1996		15CHP	7.2	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
199	314022151155	Trần Quốc	Tướng	02/02/1997		15CHP	9.4	A									Thiếu điểm	Không đạt	
200	314022151156	Đỗ Quốc	Việt	16/9/1997	Quảng Nam	15CHP	7.7	B			6.3	C	6.0	C	7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
201	314022151158	Trần Đức	Trung	27/12/1996	Đà Nẵng	15CHP	6.5	C			5.5	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
202	314022151160	Trần	Phong	23/9/1997	Đà Nẵng	15CHP	8.0	B	3.4	F	7.7	B	7.1	B	6.6	C	2.20	Không đạt	
203	318053151105	Võ Thị Mỹ	Duyên	08/8/1997		15CLS											Thiếu điểm	Không đạt	
204	318053151106	Đào Nguyên	Đạt	18/11/1997	Đà Nẵng	15CLS	6.9	C	1.8	F	5.8	C	6.1	C	5.6	C	1.60	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
205	318053151108	Đinh Thị	Hà	05/7/1997		15CLS	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
206	318053151113	Châu Ngọc	Hiếu	29/10/1997		15CLS	8.6	A									Thiếu điểm	Không đạt	
207	318053151114	Lê Thị Như	Hoa	24/5/1997		15CLS	8.1	B	5.6	C	6.0	C	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
208	318053151116	Đặng Duy	Hùng	21/12/1996	Đà Nẵng	15CLS	8.1	B	3.8	F	6.3	C	5.9	C	7.3	B	2.00	Không đạt	
209	318053151118	Nguyễn Thị Lan	Hương	10/7/1997		15CLS	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
210	318053151121	Hồ Thị Ánh	Lài	20/12/1997		15CLS	8.7	A	6.5	C	6.5	C	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
211	318053151122	Nguyễn Huy	Lịch	17/9/1997		15CLS	5.1	D									Thiếu điểm	Không đạt	
212	318053151124	Trần Thị Phương	Linh	27/01/1997		15CLS	7.8	B	2.6	F							Thiếu điểm	Không đạt	
213	318053151125	Lê Thị	May	15/5/1997	Quảng Nam	15CLS	9.1	A	7.0	B	6.8	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
214	318053151126	Phạm Hưng	Nam	10/12/1996		15CLS	7.7	B									Thiếu điểm	Không đạt	
215	318053151131	Nguyễn Thị Thu	Oanh	22/10/1997		15CLS											Thiếu điểm	Không đạt	
216	318053151132	Phạm Thị Kim	Oanh	02/01/1997		15CLS											Thiếu điểm	Không đạt	
217	318053151133	Trần Ngọc	Phây	24/4/1996	Quảng Nam	15CLS	8.1	B			6.8	C			8.5	A	Thiếu điểm	Không đạt	
218	318053151137	Bùi Văn	Tài	18/10/1996		15CLS	8.0	B									Thiếu điểm	Không đạt	
219	318053151140	Ngô Thị Phương	Thảo	06/6/1997		15CLS	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
220	318053151143	Nguyễn Bảo	Trâm	07/6/1997		15CLS	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
221	318053151148	Nguyễn Thị Hoài	Tường	18/01/1997		15CLS	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
222	318053151149	Trần Thị Thanh	Tuyền	10/12/1996		15CLS	6.1	C									Thiếu điểm	Không đạt	
223	315043151101	Trương Văn	Bảo	07/9/1996		15CNSH	7.3	B	5.6	C	6.6	C	6.1	C	6.6	C	2.20	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
224	315043151102	Phùng Thị Hải	Châu	05/9/1997		15CNSH	8.9	A	7.5	B	6.3	C	7.9	B	7.3	B	3.00	Khá	
225	315043151103	Y	Chi	20/10/1997		15CNSH	8.0	B	7.7	B	6.0	C	5.8	C	6.6	C	2.40	Trung bình	
226	315043151104	Huỳnh Thị My	Cơ	24/11/1997		15CNSH	6.7	C	7.1	B	6.9	C	6.9	C	7.3	B	2.40	Trung bình	
227	315043151105	Mai Xuân	Cường	19/02/1997		15CNSH	8.1	B	6.8	C	7.4	B	6.9	C	7.5	B	2.60	Khá	
228	315043151106	Tán Thị Ngọc	Diên	18/12/1997		15CNSH	7.4	B	6.1	C	6.1	C	8.4	B	6.6	C	2.40	Trung bình	
229	315043151107	Nguyễn	Dương	01/01/1997		15CNSH	6.9	C	5.7	C	8.1	B	6.0	C	5.3	D	2.00	Trung bình	
230	315043151108	Phan Thị Thanh	Duyên	04/11/1997		15CNSH	7.9	B	7.9	B	6.5	C	5.9	C	7.3	B	2.60	Khá	
231	315043151109	Đỗ Trần Hương	Duyên	30/10/1997		15CNSH	8.5	A	6.6	C	7.3	B	8.2	B	7.2	B	3.00	Khá	
232	315043151110	Bùi Thị Thu	Hà	01/8/1997		15CNSH	6.9	C	6.5	C	6.8	C	9.7	A	7.7	B	2.60	Khá	
233	315043151111	Phạm Thị	Hằng	10/3/1997		15CNSH	9.4	A	6.8	C	6.8	C	7.1	B	6.4	C	2.60	Khá	
234	315043151112	Hồ Thị Thu	Hiền	12/10/1997		15CNSH	6.9	C	6.9	C	6.0	C	7.2	B	7.2	B	2.40	Trung bình	
235	315043151113	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	08/7/1997		15CNSH	9.7	A	8.2	B	8.5	A	6.4	C	8.2	B	3.20	Giỏi	
236	315043151114	Nguyễn Thị	Hiệp	11/6/1997		15CNSH	8.5	A	7.0	B	5.7	C	6.0	C	6.1	C	2.60	Khá	
237	315043151115	Đinh Công Duy	Hiệu	29/8/1997		15CNSH	8.6	A	5.6	C	5.5	C	6.0	C	5.8	C	2.40	Trung bình	
238	315043151116	Phạm Thị Phú	Hòa	20/4/1997		15CNSH	7.4	B	7.6	B	7.7	B	8.0	B	6.9	C	2.80	Khá	
239	315043151117	Nguyễn Thị	Hồng	14/5/1997		15CNSH	7.9	B	7.7	B	6.0	C	6.8	C	7.1	B	2.60	Khá	
240	315043151118	Hồ Thị Linh	Huệ	02/02/1997		15CNSH	7.1	B	6.9	C	9.0	A	8.1	B	7.3	B	3.00	Khá	
241	315043151119	Nguyễn Việt	Hung	08/6/1997		15CNSH	5.7	C	6.0	C	4.0	D	6.0	C	7.3	B	2.00	Trung bình	
242	315043151120	Trần Thị Thúy	Hương	01/6/1996		15CNSH	8.4	B	6.8	C	6.0	C	6.8	C	6.5	C	2.20	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
243	315043151121	Nguyễn Ngọc Ly	Huyền	25/5/1996		15CNSH	7.1	B	7.6	B	6.6	C	8.7	A	7.0	B	3.00	Khá	
244	315043151122	Võ Thị Như	Huỳnh	08/5/1997		15CNSH	8.4	B	7.7	B	7.3	B	7.3	B	7.5	B	3.00	Khá	
245	315043151123	Nguyễn Thị Phương	Kiều	07/10/1997		15CNSH	8.4	B	6.4	C	6.0	C	6.4	C	6.4	C	2.20	Trung bình	
246	315043151124	Cao Thị Vân	Lâu	08/3/1997		15CNSH	8.4	B	7.3	B	7.0	B	6.1	C	7.6	B	2.80	Khá	
247	315043151125	Phan Nguyễn Gia	Linh	17/02/1997		15CNSH	7.5	B	8.0	B	6.5	C	5.8	C	7.1	B	2.60	Khá	
248	315043151126	Đỗ Thị	Lợi	10/10/1997		15CNSH	9.7	A	6.5	C							Thiếu điểm	Không đạt	
249	315043151127	Nguyễn Thành	Long	15/11/1997		15CNSH	8.6	A	5.2	D	6.5	C	7.4	B	8.6	A	2.80	Khá	
250	315043151128	Nguyễn Thị	Lý	10/01/1997		15CNSH	8.4	B	6.9	C	8.0	B	7.1	B	6.3	C	2.60	Khá	
251	315043151129	Nguyễn Thị Mai	Ly	08/02/1997		15CNSH	8.4	B	6.2	C	8.0	B	7.7	B	8.7	A	3.00	Khá	
252	315043151130	Trần Thị Diễm	My	27/11/1997		15CNSH	8.5	A	7.9	B	8.5	A					Thiếu điểm	Không đạt	
253	315043151131	Đinh Thị Diễm	Na	01/5/1997		15CNSH	7.5	B	5.8	C	7.9	B	7.1	B	7.2	B	2.80	Khá	
254	315043151132	Mai Nhất	Nam	18/10/1997		15CNSH											Thiếu điểm	Không đạt	
255	315043151133	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	15/9/1997		15CNSH	7.9	B	7.1	B	7.0	B	6.8	C	7.1	B	2.80	Khá	
256	315043151134	Hồ Thị Tú	Nhi	13/7/1997		15CNSH	7.6	B	9.2	A	10.0	A	10.0	A	8.7	A	3.80	Xuất sắc	
257	315043151135	Hà Phúc Thành	Phong	27/9/1997		15CNSH	6.8	C	4.1	D							Thiếu điểm	Không đạt	
258	315043151136	Nguyễn Thị	Phuong	10/12/1997		15CNSH	8.0	B	8.4	B	7.2	B	8.4	B	7.4	B	3.00	Khá	
259	315043151137	Đào Thị	Phuong	01/02/1997		15CNSH	8.9	A	8.4	B	6.3	C	6.1	C	7.4	B	2.80	Khá	
260	315043151138	Nguyễn Thị Nhã	Phuong	18/01/1997		15CNSH	8.4	B	7.0	B	6.0	C	6.3	C	6.8	C	2.40	Trung bình	
261	315043151139	Hồ Chung Anh	Quý	24/4/1996		15CNSH	7.1	B	5.7	C	8.5	A	9.3	A	8.2	B	3.20	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
262	315043151140	Trần Thị Diễm	Quỳnh	05/9/1997		15CNSH	6.9	C	5.0	D	6.3	C	5.5	C	7.0	B	2.00	Trung bình	
263	315043151141	Đinh Thị Ngọc	Thanh	29/4/1997		15CNSH	7.4	B	6.9	C	6.0	C	5.8	C	6.8	C	2.20	Trung bình	
264	315043151142	Tạ Trần Hồng	Thảo	30/12/1997		15CNSH	7.0	B	5.0	D	6.3	C	8.1	B	5.9	C	2.20	Trung bình	
265	315043151143	Lê Nguyễn Gia	Thi	11/6/1997		15CNSH	8.4	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
266	315043151144	Phạm Văn	Thiện	12/12/1993		15CNSH	7.0	B	5.5	C	7.0	B			6.1	C	Thiếu điểm	Không đạt	
267	315043151145	Lê Hữu	Thiện	18/10/1997		15CNSH	6.3	C	4.0	D	4.0	D	7.4	B	8.8	A	2.20	Trung bình	
268	315043151146	Phạm Công	Thông	10/01/1997		15CNSH	8.6	A	5.5	C	7.2	B	5.9	C	8.6	A	3.00	Khá	
269	315043151147	Lê Thị Minh	Thư	28/4/1997		15CNSH	7.9	B	6.6	C	8.2	B	7.7	B	7.3	B	2.80	Khá	
270	315043151148	Phan Phước Thanh	Thuận	15/11/1997		15CNSH	7.2	B	5.5	C	6.8	C	6.0	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
271	315043151149	Trần Thị	Thúy	16/11/1997		15CNSH	7.9	B	6.6	C	6.0	C	6.1	C	6.8	C	2.20	Trung bình	
272	315043151150	Cao Thị Thu	Trâm	05/01/1997		15CNSH	9.0	A	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
273	315043151151	Ngô Thị Thiên	Trang	10/8/1997		15CNSH	7.9	B	7.9	B	6.0	C	5.8	C	7.1	B	2.60	Khá	
274	315043151152	Phạm Dương Kiều	Trinh	27/12/1997		15CNSH	9.0	A	8.1	B	6.0	C	7.3	B	6.9	C	2.80	Khá	
275	315043151153	Đinh Thị Thùy	Trinh	08/12/1997		15CNSH	9.4	A	6.7	C	8.0	B	8.6	A	7.7	B	3.20	Giỏi	
276	315043151154	Trần Anh	Tú	23/11/1997		15CNSH	7.3	B	5.5	C	5.9	C			4.8	D	Thiếu điểm	Không đạt	
277	315043151155	Nguyễn Thị Nhật	Tuyên	04/02/1997		15CNSH	9.0	A	7.9	B	8.0	B	8.7	A	8.1	B	3.40	Giỏi	
278	315043151156	Hứa Thị	Vy	01/5/1996		15CNSH	9.4	A	6.5	C	6.5	C	6.0	C	7.4	B	2.60	Khá	
279	312022151101	Nguyễn Hồng	Ân	01/01/1997		15CNTT1	7.6	B	6.9	C	6.3	C	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
280	312022151103	Trần Văn Tuấn	Anh	29/8/1996	Quảng Trị	15CNTT1	6.9	C	4.9	D	6.9	C	7.7	B	5.1	D	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
281	312022151105	Nguyễn Ngọc	Bình	20/4/1996		15CNTT1	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
282	312022151109	Nguyễn Nhật	Duy	29/9/1997		15CNTT1	7.4	B	5.7	C	5.9	C	5.0	D			Thiếu điểm	Không đạt	
283	312022151110	Đỗ Sĩ	Duy	01/12/1997		15CNTT1	7.0	B	5.9	C	5.8	C	7.7	B	6.0	C	2.40	Trung bình	
284	312022151110	Đỗ Sỹ	Duy	01/12/1997	Đà Nẵng	15CNTT1											Thiếu điểm	Không đạt	
285	312022151116	Huỳnh Ngọc	Hoà	08/5/1997		15CNTT1	7.4	B	7.1	B	1.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
286	312022151122	Trần Phan Minh	Huy	19/02/1997		15CNTT1											Thiếu điểm	Không đạt	
287	312022151123	Lê Công	Huy	10/6/1996	Đà Nẵng	15CNTT1	7.1	B	5.2	D	5.8	C	5.3	D	6.5	C	1.80	Không đạt	
288	312022151127	Đỗ Thị Thùy	Linh	28/7/1997		15CNTT1	7.9	B	8.0	B	6.0	C	3.1	F			Thiếu điểm	Không đạt	
289	312022151130	Nguyễn Đức	Lợi	14/01/1997		15CNTT1	6.7	C	5.9	C							Thiếu điểm	Không đạt	
290	312022151131	Nguyễn Công	Luận	01/12/1996		15CNTT1	7.6	B	5.6	C	7.9	B	5.2	D			Thiếu điểm	Không đạt	
291	312022151134	Lê Trung	Nghĩa	30/3/1997		15CNTT1	8.4	B	0.9	F							Thiếu điểm	Không đạt	
292	312022151139	Nguyễn Ngọc Thiên	Phú	10/4/1994		15CNTT1	6.8	C			7.0	B	5.7	C	6.4	C	Thiếu điểm	Không đạt	
293	312022151141	Đỗ Hoàng	Phúc	24/4/1997		15CNTT1	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
294	312022151143	Tán Văn	Quân	31/7/1997		15CNTT1											Thiếu điểm	Không đạt	
295	312022151145	Nguyễn Đức	Tài	20/4/1997	Quảng Nam	15CNTT1	7.9	B	8.5	A	6.7	C	6.1	C	3.4	F	2.20	Không đạt	
296	312022151147	Đoàn Ngọc	Thịnh	18/8/1997	Đà Nẵng	15CNTT1	6.7	C	6.1	C	6.3	C	8.2	B			Thiếu điểm	Không đạt	
297	312022151153	Huỳnh Văn Cao	Tín	02/3/1997		15CNTT1	6.6	C	5.7	C	4.9	D	5.8	C	6.0	C	1.80	Không đạt	
298	312022151159	Nguyễn Văn	Việt	01/02/1997		15CNTT1	8.4	B	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	
299	312022151163	Nguyễn Ngọc	Nhân	17/7/1997		15CNTT1	6.4	C									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
300	312023151103	Hoàng Chí	Bảo	12/3/1997		15CNTT2	5.9	C	5.5	C	8.8	A	7.3	B	7.7	B	2.80	Khá	
301	312023151104	Trương Thị	Bé	25/5/1997		15CNTT2	8.2	B	6.4	C	7.6	B	8.2	B	6.6	C	2.60	Khá	
302	312023151105	Nguyễn Thị Ninh	Bình	28/5/1996		15CNTT2	7.9	B	6.4	C	7.7	B	6.2	C	5.8	C	2.40	Trung bình	
303	312023151106	Phạm Thị Thúy	Bình	19/12/1997		15CNTT2	7.8	B	6.9	C	7.9	B	7.4	B	5.5	C	2.60	Khá	
304	312023151107	Keochoumsy	Bounxom	05/02/1979		15CNTT2	6.6	C	6.0	C	6.8	C	6.9	C	8.4	B	2.20	Trung bình	
305	312023151108	Đỗ Thế	Chính	02/8/1997		15CNTT2	7.9	B	5.8	C	6.0	C	6.0	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
306	312023151109	Nguyễn Quốc	Cương	27/9/1997		15CNTT2	7.2	B	7.5	B	6.9	C	6.5	C	7.0	B	2.60	Khá	
307	312023151110	Đoàn Văn	Danh	06/4/1996		15CNTT2	7.4	B	5.7	C	6.0	C	6.5	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
308	312023151111	Nguyễn Ngọc	Đại	05/01/1997		15CNTT2	8.2	B	2.6	F							Thiếu điểm	Không đạt	
309	312023151112	Nguyễn Việt	Đức	26/12/1996		15CNTT2	6.7	C	5.6	C	6.5	C	2.7	F	5.2	D	1.40	Không đạt	
310	312023151113	Đặng Hữu	Hàng	02/12/1997		15CNTT2	7.7	B	5.9	C	8.3	B	6.1	C	6.3	C	2.40	Trung bình	
311	312023151114	Hà Minh	Hậu	30/5/1997		15CNTT2	8.4	B	5.8	C	6.3	C	6.3	C	7.1	B	2.40	Trung bình	
312	312023151115	Phạm Tấn	Hậu	19/10/1997		15CNTT2	7.9	B	5.9	C	6.3	C	5.6	C	5.5	C	2.20	Trung bình	
313	312023151116	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/4/1996		15CNTT2	8.9	A	6.3	C	7.7	B	8.2	B	7.9	B	3.00	Khá	
314	312023151117	Lê Doãn	Hiếu	03/5/1997		15CNTT2	7.1	B	5.8	C	7.4	B	6.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
315	312023151118	Trần Việt	Hoàng	09/11/1997		15CNTT2	7.2	B	8.1	B	5.0	D	3.7	F	5.5	C	1.80	Không đạt	
316	312023151119	Trần Ngọc	Hội	16/7/1996		15CNTT2	7.9	B	8.1	B	8.3	B	8.2	B	7.3	B	3.00	Khá	
317	312023151120	Tô Nhật	Huy	13/3/1997		15CNTT2	7.6	B	5.2	D	5.8	C	5.9	C	5.9	C	2.00	Trung bình	
318	312023151121	Phạm Thị Ngọc	Huyền	18/5/1997		15CNTT2	4.6	D	6.0	C	7.3	B	7.6	B	8.6	A	2.60	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
319	312023151122	Hoàng Sĩ	Khánh	07/8/1997		15CNTT2	7.9	B	5.6	C	5.8	C	8.2	B	6.6	C	2.40	Trung bình	
320	312023151123	Lê Đăng	Khoa	05/8/1997		15CNTT2	8.6	A	2.6	F							Thiếu điểm	Không đạt	
321	312023151124	Phan Thị	Kiều	12/6/1997		15CNTT2	7.9	B	5.9	C	8.6	A	8.2	B	6.3	C	2.80	Khá	
322	312023151125	Trần Thị Cẩm	Linh	27/9/1997		15CNTT2	6.5	C	6.7	C	7.0	B	7.1	B	5.8	C	2.40	Trung bình	
323	312023151126	Nguyễn Văn	Linh	05/9/1997		15CNTT2	7.6	B			7.5	B	7.7	B	8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
324	312023151127	Nguyễn Đình	Long	24/11/1997		15CNTT2	7.9	B	8.1	B							Thiếu điểm	Không đạt	
325	312023151128	Nguyễn Văn	Lực	04/11/1996		15CNTT2	6.3	C	8.1	B	6.9	C	6.3	C	6.7	C	2.20	Trung bình	
326	312023151129	Nguyễn Đình	Lương	29/01/1997		15CNTT2	5.9	C	1.8	F							Thiếu điểm	Không đạt	
327	312023151130	Phạm Khánh Minh	Mẫn	21/11/1997		15CNTT2	7.3	B	4.4	D	2.0	F	6.1	C	6.3	C	1.60	Không đạt	
328	312023151131	Huỳnh Ngọc	Minh	25/11/1997		15CNTT2	6.3	C	6.3	C	8.3	B	8.7	A	7.6	B	2.80	Khá	
329	312023151132	Lê Thái	Nghĩa	26/9/1997		15CNTT2	7.9	B	5.5	C	7.1	B	7.9	B	7.4	B	2.80	Khá	
330	312023151133	Nguyễn Ngọc	Nguyên	23/12/1997		15CNTT2	7.4	B	6.2	C	6.0	C	5.8	C	5.6	C	2.20	Trung bình	
331	312023151134	Phan Văn	Nhật	30/9/1997		15CNTT2	7.9	B	6.9	C	6.0	C	5.8	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
332	312023151135	Hoàng Minh	Nhật	19/6/1997		15CNTT2	8.7	A	4.0	D	7.9	B	1.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
333	312023151136	Huỳnh Thị	Ny	02/01/1997		15CNTT2	7.7	B	6.9	C	8.5	A	8.2	B	7.8	B	3.00	Khá	
334	312023151137	Trần Văn	Phúc	13/5/1996		15CNTT2	7.2	B	6.3	C	7.0	B	6.2	C	6.0	C	2.40	Trung bình	
335	312023151138	Nguyễn Hoàng	Phước	15/3/1997		15CNTT2	8.1	B	5.9	C	7.4	B			8.5	A	Thiếu điểm	Không đạt	
336	312023151139	Trần Thị Xuân	Phượng	07/7/1997		15CNTT2	7.4	B	6.8	C	8.6	A	8.3	B	7.8	B	3.00	Khá	
337	312023151140	Nguyễn Chánh	Phương	08/7/1997		15CNTT2	8.4	B	7.8	B	6.6	C	6.3	C	7.1	B	2.60	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
338	312023151141	Vô Văn	Quảng	01/7/1997		15CNTT2	8.7	A	6.8	C	6.8	C	7.5	B	6.6	C	2.60	Khá	
339	312023151142	Bùi Thiên	Quý	27/5/1997		15CNTT2	7.1	B	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
340	312023151143	Ngô Lê	Quỳnh	27/9/1997		15CNTT2	7.4	B	6.2	C	7.0	B	7.7	B	5.8	C	2.60	Khá	
341	312023151144	Dương Đỗ	Siêu	25/7/1996		15CNTT2	7.4	B	6.5	C	6.3	C	6.7	C	7.1	B	2.40	Trung bình	
342	312023151145	Bùi Văn	Thành	27/02/1997		15CNTT2	7.1	B	6.4	C	6.3	C	6.0	C	7.6	B	2.40	Trung bình	
343	312023151146	Nguyễn Xuân	Thành	18/01/1996		15CNTT2	7.1	B	6.5	C	7.0	B	6.6	C	6.6	C	2.40	Trung bình	
344	312023151147	Huỳnh Quang	Thảo	12/6/1997		15CNTT2	7.9	B	5.6	C	6.3	C	7.5	B	6.8	C	2.40	Trung bình	
345	312023151148	Nguyễn Thành	Thiện	25/9/1997		15CNTT2	7.9	B	5.5	C	7.3	B	6.9	C	7.3	B	2.60	Khá	
346	312023151149	Nguyễn Thị Thanh	Thiên	08/02/1997		15CNTT2	7.4	B	7.1	B	6.5	C	5.8	C	7.6	B	2.60	Khá	
347	312023151150	Nguyễn Thị	Thịnh	10/9/1997		15CNTT2	7.2	B	1.8	F							Thiếu điểm	Không đạt	
348	312023151151	Trần Thị Kim	Thoa	10/5/1997		15CNTT2	7.7	B	7.3	B	7.0	B	5.8	C	7.3	B	2.80	Khá	
349	312023151152	Meunluang	Thoy	10/7/1992		15CNTT2	7.9	B	5.8	C	8.0	B	6.4	C	8.4	B	2.60	Khá	
350	312023151153	Trương Thị Thu	Thúy	04/6/1997		15CNTT2	8.4	B	7.1	B	7.7	B	8.4	B	7.6	B	3.00	Khá	
351	312023151154	Trần Thị Thủy	Tiên	16/02/1997		15CNTT2	7.7	B	6.9	C	7.2	B	7.0	B	7.4	B	2.80	Khá	
352	312023151155	Đặng Thị Ngọc	Trâm	04/02/1997		15CNTT2	7.9	B	6.8	C	8.5	A	9.1	A	9.1	A	3.40	Giỏi	
353	312023151156	Lê Thị Thu	Trang	21/6/1997		15CNTT2	7.4	B	6.6	C	6.5	C	7.4	B	6.1	C	2.40	Trung bình	
354	312023151157	Nguyễn Quang	Trí	03/5/1997		15CNTT2	7.9	B	5.5	C	6.9	C	6.0	C	6.9	C	2.20	Trung bình	
355	312023151158	Trần Thị	Trinh	07/3/1997		15CNTT2	7.3	B	7.6	B	7.3	B	7.9	B	7.2	B	3.00	Khá	
356	312023151159	Ngô Lê Viết	Trung	29/10/1997		15CNTT2	7.5	B	5.9	C	6.0	C	6.5	C	5.8	C	2.20	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
357	312023151160	Trương Thị	Tư	14/5/1997		15CNTT2	7.4	B	6.7	C	7.3	B	8.5	A	8.2	B	3.00	Khá	
358	312023151161	Nguyễn Thành	Tuấn	12/8/1997		15CNTT2	6.0	C	5.4	D	6.2	C	6.7	C	6.5	C	1.80	Không đạt	
359	312023151162	Hồ Trí	Viễn	15/8/1997		15CNTT2	7.1	B	5.9	C	5.8	C	6.0	C	6.0	C	2.20	Trung bình	
360	312023151163	Phanthalangsy	Viengxay	07/12/1996		15CNTT2	7.9	B	5.8	C	6.9	C	6.9	C	8.4	B	2.40	Trung bình	
361	312023151164	Nguyễn Văn	Vỹ	25/6/1997		15CNTT2	8.2	B	3.0	F	8.3	B	4.9	D	6.2	C	1.80	Không đạt	
362	312023151165	Hà Ngọc Vinh	Hung	12/4/1997		15CNTT2	6.7	C	6.3	C	6.0	C	7.8	B	6.8	C	2.20	Trung bình	
363	312023151166	Trần Văn Minh	Quang	10/10/1997		15CNTT2	7.4	B	5.6	C	7.0	B	6.0	C	7.3	B	2.60	Khá	
364	314045151102	Nguyễn Lê Ngọc	Bảo	20/6/1997	Quảng Nam	15CQM	5.8	C	5.9	C	5.6	C	6.3	C	3.7	F	1.60	Không đạt	
365	314045151103	Ngô Thị	Diễm	07/7/1996		15CQM	7.1	B	6.4	C	7.0	B	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
366	314045151106	Nguyễn Trần	Duy	14/12/1996		15CQM											Thiếu điểm	Không đạt	
367	314045151108	Lê Xuân	Định	06/5/1997	Quảng Nam	15CQM	5.6	C	6.0	C	4.2	D	6.3	C	5.5	C	1.80	Không đạt	
368	314045151110	Đặng Ngọc	Đức	16/9/1997		15CQM	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
369	314045151111	Hồ Thái	Hà	23/8/1997		15CQM	7.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
370	314045151114	Hà Thị	Hiền	14/3/1997		15CQM											Thiếu điểm	Không đạt	
371	314045151115	Ngô Khánh	Hiền	12/9/1997		15CQM	6.8	C	7.2	B							Thiếu điểm	Không đạt	
372	314045151116	Trần Đắc Đại	Hiệp	03/7/1996		15CQM	5.6	C	5.6	C	6.0	C			6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
373	314045151117	Nguyễn Trọng	Hiếu	30/4/1997		15CQM	5.6	C	5.8	C	5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
374	314045151118	Nguyễn Hồng	Hiếu	01/01/1994		15CQM											Thiếu điểm	Không đạt	
375	314045151119	Đặng Minh	Hiếu	25/9/1997		15CQM			6.9	C	4.9	D	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
376	314045151120	Đặng Phước	Hiếu	15/8/1996		15CQM										Thiếu điểm	Không đạt		
377	314045151121	Nguy Như	Hoàng	17/02/1996		15CQM	6.5	C			8.4	B	8.0	B	9.2	A	Thiếu điểm	Không đạt	
378	314045151125	Trần Minh	Huy	23/11/1997		15CQM	5.7	C			6.4	C	2.7	F			Thiếu điểm	Không đạt	
379	314045151126	Lê Thanh	Huy	17/8/1997		15CQM	5.5	C	6.7	C	4.4	D	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
380	314045151128	Trịnh Lê	Kha	16/6/1997		15CQM	7.3	B	7.4	B	6.1	C	8.5	A			Thiếu điểm	Không đạt	
381	314045151132	Nguyễn Văn	Kiên	25/10/1997		15CQM	6.5	C	5.7	C	6.4	C	4.7	D	5.6	C	1.80	Không đạt	
382	314045151134	Nguyễn Hoàng	Linh	30/8/1997		15CQM	6.6	C			7.3	B	7.5	B	8.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
383	314045151137	Phan Thị	Mây	17/02/1997		15CQM			0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
384	314045151138	Nguyễn Thị	Mơ	19/01/1996		15CQM	6.3	C	6.9	C	7.3	B	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
385	314045151139	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/1997		15CQM											Thiếu điểm	Không đạt	
386	314045151144	Hoàng Ý	Nhi	19/11/1997		15CQM	6.8	C	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
387	314045151145	Huỳnh Nguyên Tấn	Nhật	06/5/1997		15CQM	8.5	A			7.1	B	8.6	A	9.2	A	Thiếu điểm	Không đạt	
388	314045151151	Nguyễn Văn	Quốc	01/11/1997		15CQM	3.6	F									Thiếu điểm	Không đạt	
389	314045151153	Lê Tiến	Quyền	16/6/1996		15CQM	5.0	D									Thiếu điểm	Không đạt	
390	314045151155	Mai Thanh	Tài	22/5/1995		15CQM	7.2	B	4.6	D	3.7	F	6.2	C	1.8	F	1.20	Không đạt	
391	314045151157	Trần Thị Cẩm	Thanh	08/4/1997		15CQM	8.4	B	7.6	B	3.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
392	314045151159	Đỗ Thế	Thảo	22/11/1997		15CQM	4.5	D			7.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
393	314045151160	Bùi Thị	Thảo	09/11/1997		15CQM	8.1	B	5.9	C	7.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
394	314045151163	Nguyễn Duy	Thông	11/02/1996		15CQM	5.5	C	6.5	C							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
395	314045151164	Lê Thị Thu	Thuý	12/10/1997		15CQM										Thiếu điểm	Không đạt		
396	314045151167	Dương Văn	Tinh	10/01/1995		15CQM	7.0	B	5.6	C	5.9	C				Thiếu điểm	Không đạt		
397	314045151170	Huỳnh Thanh	Tùng	01/9/1997		15CQM	7.2	B			7.9	B	5.7	C	8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
398	314045151171	Trần Thị Ngọc	Tuyền	05/8/1997		15CQM	7.2	B	0.0	F						Thiếu điểm	Không đạt		
399	314045151173	Khenmanesone Da	Vandone	18/11/1993		15CQM	8.1	B	8.4	B	7.7	B	7.6	B	7.1	B	3.00	Khá	
400	314045151173		Davandone	18/11/1993	Lào	15CQM										Thiếu điểm	Không đạt		
401	314045151176	Phan Thị Trúc	Vy	03/3/1997		15CQM	6.1	C								Thiếu điểm	Không đạt		
402	314045151179	Mạc Đình Công	Chính	22/02/1997		15CQM	5.6	C	6.1	C	7.9	B	7.4	B	7.5	B	2.60	Khá	
403	314045151180	Đặng Văn	Hung	01/02/1997		15CQM	5.7	C								Thiếu điểm	Không đạt		
404	320021151110	Nguyễn Thị	Dung	26/12/1997		15CTL										Thiếu điểm	Không đạt		
405	320021151112	Nguyễn Đình	Đạt	29/02/1996		15CTL	6.8	C	5.5	C	6.3	C	6.7	C	6.4	C	2.00	Trung bình	
406	320021151114	Nguyễn Hoàng	Giang	15/12/1997		15CTL	7.9	B	6.9	C	6.4	C	5.8	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
407	320021151161	Nguyễn Hoàng	Giang	15/12/1997	Kon Tum	15CTL										Thiếu điểm	Không đạt		
408	320021151119	Đàm Thị	Hương	27/02/1996		15CTL	7.4	B	2.9	F						Thiếu điểm	Không đạt		
409	320021151123	Phạm Hoàng	Lộc	31/3/1997	Đà Nẵng	15CTL	4.5	D	6.8	C	5.8	C	6.0	C	5.8	C	1.80	Không đạt	
410	320021151128	Huỳnh Thị	Mỹ	03/7/1997		15CTL	7.9	B	7.6	B						Thiếu điểm	Không đạt		
411	320021151133	Nguyễn Trần Minh	Nguyệt	30/6/1997	Quảng Nam	15CTL	6.7	C			5.4	D	3.5	F	5.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
412	320021151135	Võ Thị Hoài	Nhơn	09/12/1997	Quảng Nam	15CTL	7.7	B	8.1	B	6.0	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
413	320021151138	Lưu Dương Đức	Phúc	23/7/1997	Gia Lai	15CTL			6.9	C	7.1	B	7.2	B	8.6	A	Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
414	320021151156	Ngô Ngọc	Trâm	01/01/1997	Quảng Ngãi	15CTL	8.6	A	7.0	B	7.0	B			7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
415	320021151159	Ngô Văn	Trúc	10/11/1997		15CTL	4.5	D	7.0	B	6.3	C	5.3	D	6.9	C	1.80	Không đạt	
416	320021151166	Nguyễn Đức Anh	Vũ	01/01/1997		15CTL											Thiếu điểm	Không đạt	
417	315032151103	Võ Trâm	Anh	07/11/1997		15CTM											Thiếu điểm	Không đạt	
418	315032151105	Xaiyaseng Hat	Anong	26/7/1996		15CTM	9.7	A	9.2	A	9.3	A					Thiếu điểm	Không đạt	
419	315032151106	Trần Thị Thu	Diễm	03/6/1997		15CTM	6.8	C	7.2	B	6.0	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
420	315032151108	Trần Thị	Dung	27/12/1997		15CTM	7.3	B	7.6	B	7.1	B			8.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
421	315032151109	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15/10/1997		15CTM	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
422	315032151111	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	31/12/1997		15CTM	7.3	B	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
423	315032151113	Nguyễn Vĩnh	Hiền	30/12/1995		15CTM	6.6	C	3.2	F	1.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
424	315032151114	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/02/1997		15CTM	6.8	C	0.8	F							Thiếu điểm	Không đạt	
425	315032151115	Trần Văn	Hiếu	12/9/1997		15CTM	7.1	B	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
426	315032151120	Kotmany	Khamla	12/6/1996		15CTM	6.5	C	5.6	C	6.3	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
427	315032151123	Nguyễn Thị Yến	Lam	01/6/1997		15CTM	6.8	C	6.5	C	6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
428	315032151124	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	16/10/1997		15CTM	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
429	315032151127	Nguyễn Tăng	Lộc	12/3/1997		15CTM	7.9	B	6.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
430	315032151128	Lê Viết	Lượng	23/11/1997		15CTM	5.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
431	315032151130	Huỳnh Lê	Ly	04/12/1997		15CTM	6.8	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
432	315032151132	Phạm Công	Minh	04/02/1997		15CTM	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
433	315032151135	Bùi Đông	Nhật	07/01/1996		15CTM	5.8	C	5.5	C	6.1	C	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
434	315032151137	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22/5/1997		15CTM	7.3	B	6.7	C	7.3	B			8.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
435	315032151139	Huỳnh Thị Thảo	Nhiên	07/7/1996		15CTM	6.8	C	7.2	B	7.5	B	7.3	B	5.9	C	2.60	Khá	
436	315032151141	H Táo	Niê	17/4/1997		15CTM	6.8	C	7.9	B	8.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
437	315032151142	Souvannasy	Phanompho	29/7/1997		15CTM	6.8	C	6.3	C	8.6	A	1.2	F	6.6	C	2.00	Không đạt	
438	315032151144	Trà Sen	Phuong	30/12/1997		15CTM	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
439	315032151152	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/10/1997		15CTM	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
440	315032151155	Nguyễn Lê Phương	Thảo	13/4/1997		15CTM	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
441	315032151161	Trần Thị Thùy	Trâm	18/6/1997		15CTM											Thiếu điểm	Không đạt	
442	315032151163	Nguyễn Khánh	Triều	01/6/1997		15CTM	7.1	B	4.1	D	5.2	D					Thiếu điểm	Không đạt	
443	315032151165	Ngô Thị Tú	Trinh	15/12/1997		15CTM	7.3	B	7.2	B	6.5	C	7.2	B			Thiếu điểm	Không đạt	
444	315032151167	Nguyễn Ngô Anh	Tuấn	16/3/1997		15CTM											Thiếu điểm	Không đạt	
445	315032151170	Phan Ngọc Quỳnh	Uyên	22/6/1997		15CTM											Thiếu điểm	Không đạt	
446	315032151171	Ketsouko Theppha	Vanh	23/10/1996		15CTM											Thiếu điểm	Không đạt	
447	315032151174	Văn Thị Kiều	Vy	14/4/1997		15CTM	6.8	C	6.5	C	7.8	B	6.5	C	2.1	F	1.80	Không đạt	
448	315032151171	Văn Thị Kiều	Vy	14/4/1997	Quảng Nam	15CTM											Thiếu điểm	Không đạt	
449	311032151101	Nguyễn Việt	An	11/10/1996	Quảng Nam	15CTUD1	5.6	C	7.1	B	7.7	B	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
450	311032151105	Đặng Thị Hoài	Dung	10/6/1997		15CTUD1	5.6	C	8.0	B	2.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
451	311032151106	Nguyễn Quang	Duy	29/4/1997	Đà Nẵng	15CTUD1	5.5	C			5.6	C	5.2	D	5.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
452	311032151107	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/4/1997		15CTUD1	5.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
453	311032151108	Phạm Trung	Đông	06/12/1997		15CTUD1	2.4	F									Thiếu điểm	Không đạt	
454	311032151110	Trần Văn	Đúng	16/12/1997		15CTUD1	6.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
455	311032151113	Lê Trung	Hải	03/9/1997		15CTUD1											Thiếu điểm	Không đạt	
456	311032151115	Hà Kiến	Hân	29/9/1997		15CTUD1											Thiếu điểm	Không đạt	
457	311032151116	Nguyễn Hữu	Hòa	10/6/1997		15CTUD1	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
458	311032151117	Lê Thiện	Hoàng	28/02/1996		15CTUD1	6.1	C									Thiếu điểm	Không đạt	
459	311032151119	Lê Thị Hoa	Hồng	28/11/1997		15CTUD1	7.5	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
460	311032151123	Nguyễn Khánh	Huy	24/12/1995		15CTUD1	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
461	311032151124	Hồ Ngọc	Huỳnh	18/02/1993		15CTUD1	6.0	C	7.9	B							Thiếu điểm	Không đạt	
462	311032151127	Đinh Xuân	Minh	19/4/1997	Đà Nẵng	15CTUD1	3.7	F			6.2	C	5.5	C	6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
463	311032151128	Trần Quốc	Nam	10/6/1997		15CTUD1	6.1	C	7.2	B	7.6	B	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
464	311032151129	Lê Thị Bích	Nga	02/12/1996	Đà Nẵng	15CTUD1			6.3	C	7.0	B	6.2	C	7.8	B	Thiếu điểm	Không đạt	
465	311032151130	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	15/7/1997		15CTUD1	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
466	311032151133	Lâm Ngọc	Phôn	22/6/1996		15CTUD1	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
467	311032151134	Phạm Thị Kim	Phượng	20/8/1997		15CTUD1	5.5	C	0.0	F	7.0	B	7.4	B	6.8	C	2.00	Không đạt	
468	311032151140	Nguyễn Thị	Thảo	30/6/1997		15CTUD1											Thiếu điểm	Không đạt	
469	311032151141	Phan Thị Anh	Thi	10/7/1995		15CTUD1	6.1	C	4.2	D	7.3	B	6.4	C	3.3	F	1.60	Không đạt	
470	311032151143	Nguyễn Trung	Tiến	18/11/1996		15CTUD1	6.8	C	5.7	C	7.1	B	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
471	311032151149	Võ Đăng	Vĩnh	29/9/1997		15CTUD1	6.0	C	6.7	C							Thiếu điểm	Không đạt	
472	311032151150	Lâm Hoàng	Yến	28/12/1997		15CTUD1	6.7	C	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
473	311033151101	Nguyễn Mai	Châu	13/8/1997	Đà Nẵng	15CTUD2	6.9	C	8.1	B	8.8	A	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
474	311033151105	Ngô Thị Hạ	Đoan	28/12/1996		15CTUD2	6.9	C									Thiếu điểm	Không đạt	
475	311033151108	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	04/6/1997		15CTUD2	5.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
476	311033151110	Phạm Văn	Hoàng	08/8/1997		15CTUD2											Thiếu điểm	Không đạt	
477	311033151112	Lê Văn	Hôn	03/02/1996		15CTUD2	6.7	C	8.0	B	6.9	C	7.9	B			Thiếu điểm	Không đạt	
478	311033151113	Trần Thị	Hồng	23/12/1997		15CTUD2	6.6	C	6.8	C	6.3	C	4.1	D			Thiếu điểm	Không đạt	
479	311033151114	Lê Văn	Hưng	20/01/1997		15CTUD2	7.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
480	311033151116	Trần Nhật	Huy	16/8/1997		15CTUD2	6.5	C	6.4	C	4.5	D	9.2	A	8.0	B	2.40	Trung bình	
481	311033151117	Lê Thị Thanh	Liêm	25/6/1996	Quảng Nam	15CTUD2	5.5	C	7.3	B	3.8	F	6.5	C	5.6	C	1.80	Không đạt	
482	311033151118	Bùi Thị	Liên	10/4/1997		15CTUD2	5.8	C	7.6	B	7.8	B					Thiếu điểm	Không đạt	
483	311033151119	Nguyễn Thị Mai	Loan	09/10/1997		15CTUD2	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
484	311033151122	Nguyễn Đăng	Minh	06/01/1996		15CTUD2	4.3	D	5.8	C	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
485	311033151123	Nguyễn Thị Huyền	Mỹ	17/11/1997		15CTUD2	6.2	C	8.2	B							Thiếu điểm	Không đạt	
486	311033151124	Lê Thị Kim	Ngân	01/01/1997		15CTUD2	6.5	C	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
487	311033151126	Phạm Phú Duy	Nhất	08/8/1996		15CTUD2	6.0	C	6.6	C	6.1	C					Thiếu điểm	Không đạt	
488	311033151129	Văn Thị Mai	Phương	03/8/1997		15CTUD2	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
489	311033151134	Trần Long	Sơn	11/9/1993	Đà Nẵng	15CTUD2	5.8	C	6.0	C	8.7	A	1.5	F	6.4	C	2.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
490	311033151135	Nguyễn Tấn Tài		01/7/1997		15CTUD2	5.6	C	2.1	F							Thiếu điểm	Không đạt	
491	311033151136	Lê Bá Khánh Tâm		26/3/1996		15CTUD2	6.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
492	311033151139	Nguyễn Văn Thôi		28/10/1997		15CTUD2	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
493	311033151140	Phạm Thị Thư		01/8/1997	Quảng Nam	15CTUD2	7.3	B	6.9	C	9.2	A	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
494	311033151141	Võ Thị Hồng Thy		30/5/1997	Đà Nẵng	15CTUD2	6.8	C	6.3	C	6.8	C	8.6	A			Thiếu điểm	Không đạt	
495	311033151143	Ông Đức Tri		01/6/1997		15CTUD2	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
496	311033151145	Võ Dương Hồng Tuệ		25/10/1997		15CTUD2	5.5	C	6.6	C	5.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
497	311044151117	Bùi Thị Hiền		17/4/1997		15CTUDE	7.1	B	7.2	B							Thiếu điểm	Không đạt	
498	311044151120	Hà Minh Khuê		01/02/1996		15CTUDE	6.1	C									Thiếu điểm	Không đạt	
499	311044151121	Trần Diệu Linh		20/4/1990		15CTUDE	4.0	D	8.0	B			6.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
500	311044151123	Trương Phú Linh		02/10/1997		15CTUDE	1.8	F									Thiếu điểm	Không đạt	
501	311044151124	Lê Thị Loan		30/12/1997	Quảng Nam	15CTUDE	5.8	C	4.4	D	6.6	C	8.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
502	311044151125	Trần Long		25/02/1989	Thừa Thiên Huế	15CTUDE	5.7	C	4.9	D	7.4	B	7.0	B	2.1	F	1.80	Không đạt	
503	311044151130	Nguyễn Thị Nhị		24/7/1997		15CTUDE	7.3	B	6.4	C							Thiếu điểm	Không đạt	
504	311044151131	Lê Thị Quý		14/7/1997		15CTUDE	5.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
505	311044151133	Lê Thị Thiên Thảo		18/4/1997		15CTUDE	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
506	311044151134	Trần Thị Thu Thủy		18/9/1997		15CTUDE											Thiếu điểm	Không đạt	
507	311044151135	Lê Thị Minh Trâm		12/6/1997		15CTUDE	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
508	311044151139	Ngô Thùy Minh Trang		01/3/1997		15CTUDE	7.1	B	8.1	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
509	311044151141	Nguyễn Quốc	Trung	06/02/1997		15CTUDE											Thiếu điểm	Không đạt	
510	311044151143	Hà Lê Thiên	Vi	22/12/1997		15CTUDE	5.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
511	311044151144	Huỳnh Đăng Quốc	Việt	12/3/1997		15CTUDE	8.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
512	311044151147	Nguyễn Xuân	Ý	16/01/1997	Quảng Ngãi	15CTUDE	4.8	D	4.9	D	3.0	F	5.7	C	5.9	C	1.20	Không đạt	
513	320032151101	Pơ Loong	Buru	22/12/1997		15CTXH	7.4	B	7.4	B	6.4	C	7.4	B	6.6	C	2.60	Khá	
514	320032151101	PoLoong	Buru	22/12/1997	Quảng Nam	15CTXH											Thiếu điểm	Không đạt	
515	320032151102	Vũ Xuân	Chung	20/10/1997		15CTXH	4.5	D									Thiếu điểm	Không đạt	
516	320032151107	Nguyễn Hữu	Dụng	22/8/1997		15CTXH	5.0	D									Thiếu điểm	Không đạt	
517	320032151109	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	22/01/1997		15CTXH	7.3	B	7.9	B							Thiếu điểm	Không đạt	
518	320032151113	Nguyễn Minh	Hải	05/6/1997	Đà Nẵng	15CTXH	4.3	D					5.0	D	5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
519	320032151115	Trần Thị Cẩm	Hằng	15/4/1997		15CTXH	7.3	B	1.8	F							Thiếu điểm	Không đạt	
520	320032151121	Khienkhammy	Keovilay	11/01/1996		15CTXH											Thiếu điểm	Không đạt	
521	320032151122	Võ Nguyệt Xuân	Kiều	12/6/1997		15CTXH	6.4	C	6.4	C	2.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
522	320032151131	Bùi Đình	Long	03/10/1997		15CTXH	3.7	F					5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
523	320032151136	H'Sương	Mlô	15/7/1997		15CTXH	6.8	C	7.5	B	8.1	B	7.0	B	7.3	B	2.80	Khá	
524	320032151136	H Sương	Mlô	15/7/1997	Đắk Lắk	15CTXH											Thiếu điểm	Không đạt	
525	320032151138	Rmah H'	Nâm	03/9/1997		15CTXH	8.1	B	7.9	B	7.3	B	7.0	B	8.6	A	3.20	Giỏi	
526	320032151138	Rmah-H'	Nâm	03/9/1997	Gia Lai	15CTXH											Thiếu điểm	Không đạt	
527	320032151152	Võ Thị	Quỳnh	10/5/1997		15CTXH	7.6	B	6.2	C	7.4	B					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
528	320032151157	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10/6/1996		15CTXH	6.8	C	5.6	C	7.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
529	320032151158	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04/7/1997		15CTXH	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
530	320032151159	Lê Thị Thanh	Thanh	18/9/1997		15CTXH	7.3	B	7.6	B	7.3	B	5.9	C	6.5	C	2.60	Khá	
531	320032151161	Huỳnh Thị Diễm	Thúy	06/9/1997		15CTXH	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
532	320032151162	Y Thùy	Tiên	03/11/1996	Kon Tum	15CTXH	7.2	B	0.0	F	6.8	C	7.1	B	6.6	C	2.00	Không đạt	
533	320032151166	Phạm Thị	Tuyền	30/3/1997		15CTXH	7.3	B	7.6	B	7.3	B	6.8	C	6.9	C	2.60	Khá	
534	320032151168	Đỗ Thị Thu	Viễn	16/9/1997		15CTXH	6.9	C	3.2	F							Thiếu điểm	Không đạt	
535	320032151172	Hồ Thị Như	Yến	07/01/1997	Quảng Nam	15CTXH	7.6	B	6.4	C	6.4	C			3.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
536	320032151173	A	Lá	07/9/1996		15CTXH	6.7	C	6.3	C	7.1	B	7.6	B	8.2	B	2.60	Khá	
537	317022151102	Trần Thị	Cam	02/01/1996		15CVH1	7.9	B	6.3	C							Thiếu điểm	Không đạt	
538	317022151103	Võ Thị Phương	Châu	17/3/1997		15CVH1	7.7	B	7.3	B	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
539	317022151104	Trần Thị	Chiêm	11/10/1997	Nam Định	15CVH1	7.9	B	7.6	B	6.5	C			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
540	317022151105	Nguyễn Thị	Dương	10/7/1997	Quảng Nam	15CVH1	7.6	B	5.5	C	6.0	C			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
541	317022151106	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22/7/1996	Đà Nẵng	15CVH1	7.4	B	7.6	B	6.8	C			6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
542	317022151109	Võ Thị Minh	Hải	14/4/1997		15CVH1	7.9	B	5.9	C	6.2	C	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
543	317022151111	Nguyễn Thị	Hậu	26/6/1997	Nghệ An	15CVH1	7.9	B	7.9	B			7.4	B	6.1	C	Thiếu điểm	Không đạt	
544	317022151112	Nguyễn Thị Út	Hiền	28/02/1997	Bình Thuận	15CVH1	7.6	B	6.3	C	6.3	C			6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
545	317022151113	Lê Nguyễn Diệu	Hiền	21/11/1997		15CVH1	8.1	B	7.6	B	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
546	317022151116	Nguyễn Thúy	Hồng	25/10/1997	Quảng Ngãi	15CVH1	7.7	B	6.8	C	6.0	C			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
547	317022151117	Trần Thị Thanh	Hương	01/7/1997	Kon Tum	15CVH1	7.8	B	7.3	B	6.0	C			6.3	C	Thiếu điểm	Không đạt	
548	317022151119	Bùi Thị Thanh	Huyền	08/12/1997	Phú Yên	15CVH1	7.4	B	5.1	D			3.5	F	6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
549	317022151120	Trần Thị Xuân	Lai	31/8/1995		15CVH1	6.4	C									Thiếu điểm	Không đạt	
550	317022151121	Phạm Thị	Lan	01/01/1997	Quảng Ninh	15CVH1	6.9	C	6.0	C	6.8	C			7.9	B	Thiếu điểm	Không đạt	
551	317022151122	Ngô Thị Mỹ	Liên	04/3/1997		15CVH1											Thiếu điểm	Không đạt	
552	317022151123	Lê Thị Hoài	Linh	01/4/1997	Quảng Ngãi	15CVH1	7.4	B	2.7	F	6.2	C			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
553	317022151126	Trần Thị	Luyên	18/8/1996	Quảng Bình	15CVH1	8.2	B	7.6	B	6.0	C			7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
554	317022151127	Phan Hoàng	Mỹ	02/9/1997	Quảng Nam	15CVH1	7.3	B	5.4	D	6.0	C			5.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
555	317022151128	Trần Thị Ly	Na	04/10/1997		15CVH1	6.9	C	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
556	317022151129	Phạm Thị Thúy	Nga	05/8/1997		15CVH1	7.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
557	317022151131	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên	14/11/1997		15CVH1	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
558	317022151132	Võ Thị Tuyết	Nhi	15/12/1996	Đà Nẵng	15CVH1	7.4	B	8.6	A	6.0	C			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
559	317022151134	Nguyễn Thị Kiều	Nhung	25/7/1997	Đắk Lắk	15CVH1	6.7	C	6.8	C	7.1	B	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
560	317022151135	Đinh Thị Thu	Phụng	24/11/1996		15CVH1	7.7	B	6.3	C							Thiếu điểm	Không đạt	
561	317022151137	Nguyễn Đỗ Ngân	Phương	13/10/1996	Quảng Nam	15CVH1	7.6	B	4.9	D							Thiếu điểm	Không đạt	
562	317022151138	Lê Thị Bích	Phượng	10/3/1996		15CVH1	8.0	B	8.1	B	5.6	C	4.5	D	7.9	B	2.40	Trung bình	
563	317022151139	Hồ Quốc	Quang	05/5/1997		15CVH1											Thiếu điểm	Không đạt	
564	317022151140	Lê Khánh	Quỳnh	09/10/1996	Đà Nẵng	15CVH1	6.8	C	4.2	D	6.0	C			6.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
565	317022151142	Huỳnh Thị	Tài	10/6/1997		15CVH1	7.7	B									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
566	317022151143	Nguyễn Thị Phương	Tâm	03/11/1997	Gia Lai	15CVH1	7.3	B	8.1	B			7.6	B	7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
567	317022151144	Lê Đặng Hoài	Thanh	04/12/1997	Đà Nẵng	15CVH1	6.9	C	4.8	D	6.5	C			8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
568	317022151147	Nguyễn Thị Minh	Thư	30/8/1997	Hà Tĩnh	15CVH1	7.9	B	7.1	B	7.0	B			6.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
569	317022151148	Mai Văn	Thuận	05/01/1997		15CVH1	3.8	F	6.1	C	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
570	317022151149	Lê Thị Tài	Thương	16/6/1997		15CVH1	6.9	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
571	317022151150	Mai Thị Bích	Thủy	14/4/1996	Quảng Bình	15CVH1	8.2	B	6.7	C	7.3	B			7.6	B	Thiếu điểm	Không đạt	
572	317022151151	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	17/7/1997	Thừa Thiên Huế	15CVH1	6.8	C							6.1	C	Thiếu điểm	Không đạt	
573	317022151154	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyên	17/4/1997		15CVH1	7.2	B	7.7	B	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
574	317022151155	Nguyễn Thị	Vân	04/3/1997	Nghệ An	15CVH1	7.0	B	4.6	D	6.5	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
575	317022151156	Hồ Thị	Vui	15/7/1996		15CVH1	7.9	B									Thiếu điểm	Không đạt	
576	317022151157	Nguyễn Thị Lâm	Vy	03/11/1995		15CVH1	7.3	B	5.4	D	6.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
577	317022151158	Nguyễn Thị	Yên	01/4/1996	Thái Bình	15CVH1	7.3	B	5.2	D			3.0	F	7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
578	317023151101	Đỗ Thị Xuân	Ánh	24/5/1997		15CVH2	6.8	C	4.8	D							Thiếu điểm	Không đạt	
579	317023151102	Phạm Thị Lan	Chi	04/12/1997		15CVH2	6.8	C	5.6	C	7.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
580	317023151103	Huỳnh Thị Hoa	Cúc	03/5/1997	Đà Nẵng	15CVH2	7.3	B	6.9	C	6.0	C			7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
581	317023151104	Huỳnh Trần	Duy	15/01/1996		15CVH2	2.7	F	4.0	D	4.8	D			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
582	317023151105	Phạm Thị Bích	Duyên	02/8/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.8	C	7.7	B					Thiếu điểm	Không đạt	
583	317023151106	Đỗ Thị Cẩm	Giang	05/5/1997	Quảng Nam	15CVH2	7.3	B	7.1	B	6.0	C			8.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
584	317023151107	Nguyễn Thị Khánh	Hà	26/12/1997	Quảng Ngãi	15CVH2	6.3	C	6.7	C	6.3	C			7.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
585	317023151108	Huỳnh Thị Mỹ	Hằng	01/4/1997	Đà Nẵng	15CVH2	7.3	B	7.1	B	6.0	C			6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
586	317023151109	Nguyễn Thị	Hậu	12/11/1997		15CVH2	7.3	B	6.3	C	6.8	C			6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
587	317023151110	Phạm Thị	Hiền	12/8/1997		15CVH2	6.3	C	5.6	C	7.1	B			9.0	A	Thiếu điểm	Không đạt	
588	317023151114	Trương Thị	Hoa	20/10/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	7.6	B	6.6	C			7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
589	317023151115	Huỳnh Thị Nhật	Hoàng	12/7/1997	Đà Nẵng	15CVH2	6.8	C	6.3	C	7.5	B			7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
590	317023151116	Phan Nguyễn Khánh	Hồng	24/5/1997	Đà Nẵng	15CVH2	6.3	C	8.1	B	7.5	B			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
591	317023151118	Lê Khánh	Hương	05/4/1997		15CVH2	6.8	C	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
592	317023151121	Trần Thị Mỹ	Lan	01/01/1996	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.3	C	7.7	B					Thiếu điểm	Không đạt	
593	317023151122	Lương Thị Phương	Liêm	26/9/1996		15CVH2	6.8	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
594	317023151125	Hàng Hạ	Miễn	24/6/1997		15CVH2											Thiếu điểm	Không đạt	
595	317023151126	Đoàn Nguyễn Trà	My	30/9/1997	Đà Nẵng	15CVH2	6.8	C	7.1	B	7.1	B			5.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
596	317023151127	Bùi Phúc	Ngà	01/11/1997	Thái Bình	15CVH2	6.8	C	6.8	C	6.2	C			6.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
597	317023151128	Trần Phạm Thu	Ngân	14/9/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	7.6	B	6.5	C			6.4	C	Thiếu điểm	Không đạt	
598	317023151129	Lương Thị	Nghĩa	20/7/1995		15CVH2	6.8	C	8.0	B	7.8	B					Thiếu điểm	Không đạt	
599	317023151130	Phạm Thị Thanh	Nhẫn	13/8/1997	Quảng Ngãi	15CVH2	6.8	C	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
600	317023151131	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	15/8/1996	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.0	C	6.5	C			7.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
601	317023151132	Nguyễn Thị Lan	Nhi	17/11/1997		15CVH2											Thiếu điểm	Không đạt	
602	317023151134	Phan Thị Y	Phụng	02/3/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	8.2	B	8.6	A					Thiếu điểm	Không đạt	
603	317023151136	Văn Thị Hoài	Phương	22/8/1997		15CVH2	1.8	F									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
604	317023151138	Nguyễn Thị Thu	Sương	15/11/1997		15CVH2	6.8	C	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
605	317023151139	Nguyễn	Tài	07/02/1997	Đà Nẵng	15CVH2	5.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
606	317023151141	Phan Đình Hoài	Thảo	10/01/1997		15CVH2	6.3	C	6.0	C	5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
607	317023151142	Lê Thị	Thao	26/3/1997	Quảng Ngãi	15CVH2	6.8	C	7.3	B			5.6	C	6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
608	317023151144	Võ Thị Thu	Thảo	30/6/1997	Quảng Nam	15CVH2	7.3	B	7.1	B	7.0	B			6.3	C	Thiếu điểm	Không đạt	
609	317023151145	Trần Thị Anh	Thư	27/11/1997		15CVH2	1.8	F	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
610	317023151146	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/12/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.0	C					6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
611	317023151147	Trần Thị Hoài	Thương	20/01/1997		15CVH2	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
612	317023151148	Võ Thị Minh	Thúy	18/8/1997		15CVH2	6.3	C	7.8	B	6.2	C			6.4	C	Thiếu điểm	Không đạt	
613	317023151150	Lê Tấn	Tin	26/02/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.1	C	6.0	C	7.8	B			6.4	C	Thiếu điểm	Không đạt	
614	317023151151	Nguy Như Minh	Trí	02/8/1995	Quảng Nam	15CVH2	6.3	C	7.6	B	6.9	C			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
615	317023151152	Huỳnh Thị	Tú	28/02/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.2	C	6.0	C			7.6	B	Thiếu điểm	Không đạt	
616	317023151153	Nguyễn Thị Phương	Uyên	10/12/1997	Quảng Bình	15CVH2	6.8	C	6.6	C			5.6	C	6.3	C	Thiếu điểm	Không đạt	
617	317023151155	Lê Đình	Vương	25/01/1997		15CVH2	6.6	C	6.1	C	5.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
618	317023151156	Nguyễn Đoàn Thoại	Vy	01/01/1997	Quảng Ngãi	15CVH2	6.8	C	6.6	C	7.2	B			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
619	317023151157	Phan Ngô Hải	Yến	10/4/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.1	C	6.8	C			7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
620	317023151158	Nguyễn Thị Hải	Châu	27/10/1997	Quảng Nam	15CVH2	6.8	C	6.1	C	6.0	C			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
621	317034151102	Trần Phan Tú	Anh	16/7/1996		15CVHH	7.3	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
622	317034151103	Trần Đình Tuấn	Anh	10/11/1995		15CVHH	5.7	C	5.1	D							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
623	317034151104	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	11/01/1997		15CVHH	6.4	C									Thiếu điểm	Không đạt	
624	317034151112	Nguyễn Đình Mỹ	Duyên	10/9/1997		15CVHH	6.4	C	4.2	D	6.8	C	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
625	317034151113	Nguyễn Thị Ngọc	Đào	15/10/1996		15CVHH	6.4	C	7.6	B	3.3	F					Thiếu điểm	Không đạt	
626	317034151116	Nguyễn Tạ Bảo	Hân	06/10/1997	Quảng Ngãi	15CVHH	6.8	C	4.8	D			3.0	F	5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
627	317034151118	Phạm Thị Mỹ	Hiền	02/6/1997		15CVHH	1.5	F									Thiếu điểm	Không đạt	
628	317034151126	Trần Thị Thu	Hương	24/3/1997		15CVHH	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
629	317034151133	Lê Thị Ngọc	Ly	23/5/1996	Đà Nẵng	15CVHH	6.8	C	4.5	D	7.4	B			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
630	317034151135	Lê Quang	Nghĩa	06/8/1995		15CVHH	4.0	D	0.9	F							Thiếu điểm	Không đạt	
631	317034151136	Lê Thị Kim	Nguyên	25/3/1997		15CVHH	6.8	C	4.4	D	6.5	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
632	317034151137	Trần Ngọc Thiên	Nhi	07/7/1997		15CVHH	6.8	C	5.1	D	5.7	C	4.7	D			Thiếu điểm	Không đạt	
633	317034151138	Lê Diệp Bảo	Nhi	26/7/1997		15CVHH											Thiếu điểm	Không đạt	
634	317034151139	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	02/4/1997		15CVHH	7.3	B	4.0	D	2.7	F					Thiếu điểm	Không đạt	
635	317034151140	Huỳnh Thị Ngọc	Phúc	11/01/1997	Đà Nẵng	15CVHH	6.8	C	6.3	C	4.6	D	4.5	D	5.1	D	1.40	Không đạt	
636	317034151142	Phạm Thị Thanh	Phương	06/11/1997		15CVHH	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
637	317034151143	Ngô Đông	Phương	29/12/1997		15CVHH	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
638	317034151145	Đặng Thị Như	Quỳnh	28/7/1997		15CVHH	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
639	317034151148	Nguyễn Trương Bảo	Thanh	24/10/1997		15CVHH	7.3	B	4.8	D	6.4	C	1.2	F			Thiếu điểm	Không đạt	
640	317034151149	Trần Trương Như	Thảo	06/02/1997		15CVHH	1.5	F			5.2	D	7.9	B	6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
641	317034151150	Zorâm Thị	Thảo	02/5/1997		15CVHH	7.3	B	2.9	F							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
642	317034151153	Vương Thị Ngọc	Ti	20/11/1997	Quảng Nam	15CVHH	6.4	C			6.4	C	7.9	B	7.9	B	Thiếu điểm	Không đạt	
643	317034151154	Hồ Thị Tú	Ti	08/6/1997		15CVHH	6.4	C	5.9	C	5.8	C	5.2	D	2.1	F	1.40	Không đạt	
644	317034151156	Nguyễn Thùy	Trang	13/5/1997		15CVHH	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
645	317034151159	Phạm Thị Thanh	Tuyền	09/3/1997		15CVHH	7.3	B			5.8	C	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
646	317034151161	Lê Thị	Vân	04/02/1997	Quảng Trị	15CVHH	6.8	C	4.3	D	4.7	D	5.7	C	5.8	C	1.60	Không đạt	
647	317034151162	Huỳnh Thanh Thảo	Vi	12/7/1997		15CVHH	6.8	C	5.5	C	7.2	B	6.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
648	317034151163	Hà Hoàng	Vũ	28/6/1997		15CVHH	6.4	C	4.1	D	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
649	313022151101	Lê Duy	Anh	07/01/1997		15CVL	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
650	313022151102	Phạm Thế	Cường	08/9/1997		15CVL											Thiếu điểm	Không đạt	
651	313022151103	Đoàn Văn	Cường	19/10/1997		15CVL	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
652	313022151104	Huỳnh Đình Nhật	Cường	26/01/1997		15CVL	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
653	313022151105	Nguyễn Đình	Cường	18/7/1992		15CVL											Thiếu điểm	Không đạt	
654	313022151106	Trịnh Thị Kim	Dung	16/7/1997		15CVL	7.3	B	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	
655	313022151107	Lê Quang	Duy	19/01/1992		15CVL											Thiếu điểm	Không đạt	
656	313022151109	Nguyễn Ngọc	Đỉnh	04/7/1997		15CVL	8.0	B									Thiếu điểm	Không đạt	
657	313022151111	Lê Thị Ngọc	Hà	05/11/1997	Đà Nẵng	15CVL	5.6	C	7.0	B	6.0	C					Thiếu điểm	Không đạt	
658	313022151112	Nguyễn Thị Thu	Hà	09/01/1997		15CVL	6.1	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
659	313022151114	Nguyễn Thị Thu	Hải	10/3/1997		15CVL	4.5	D			6.3	C					Thiếu điểm	Không đạt	
660	313022151115	Huỳnh Phúc	Hiền	23/01/1997	Đà Nẵng	15CVL	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
661	313022151117	Nguyễn Quang	Hiếu	07/7/1997		15CVL	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
662	313022151118	Lê Trần Thị	Hoa	15/12/1997		15CVL	6.2	C	4.8	D	0.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	
663	313022151121	Phan Đào Hải	Hưng	31/10/1997		15CVL	6.6	C	2.1	F							Thiếu điểm	Không đạt	
664	313022151122	Phan Nguyễn Nhật	Huy	12/11/1997	Đà Nẵng	15CVL	6.4	C	2.7	F							Thiếu điểm	Không đạt	
665	313022151123	Hồ Nguyên Thiên	Kim	11/02/1997	Đà Nẵng	15CVL	6.4	C	4.5	D	6.2	C	5.7	C	6.1	C	1.80	Không đạt	
666	313022151124	Tạ Thị Thu	Lành	06/5/1997		15CVL	5.2	D									Thiếu điểm	Không đạt	
667	313022151125	Hoàng Vũ	Linh	27/10/1997		15CVL	8.0	B									Thiếu điểm	Không đạt	
668	313022151126	Đặng Thị Mỹ	Linh	30/10/1997	Gia Lai	15CVL	4.7	D	0.0	F	6.5	C	4.8	D	1.8	F	0.80	Không đạt	
669	313022151129	Hồ Đắc	Nghĩa	01/4/1997		15CVL	8.6	A	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
670	313022151130	Võ Diệu Huệ	Nghĩa	06/7/1997		15CVL	5.6	C	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
671	313022151131	Nguyễn Phạm Thảo	Nguyên	08/02/1997		15CVL	5.4	D	4.7	D	6.8	C	0.6	F			Thiếu điểm	Không đạt	
672	313022151133	Hồ Thị Hiền	Nhi	06/8/1997	Đà Nẵng	15CVL	6.2	C	5.0	D	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
673	313022151136	Nguyễn Ý	Như	10/8/1997		15CVL	6.3	C	3.1	F							Thiếu điểm	Không đạt	
674	313022151138	Đặng Đại	Phong	06/8/1997		15CVL	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
675	313022151139	Nguyễn Hồng	Quân	11/01/1997		15CVL	6.0	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
676	313022151140	Trần Minh	Quang	17/9/1997		15CVL	6.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
677	313022151141	Đoàn Phi	Sơn	25/3/1997	Đà Nẵng	15CVL	7.5	B	7.6	B	5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
678	313022151142	Nguyễn Thái	Sơn	09/3/1997		15CVL											Thiếu điểm	Không đạt	
679	313022151143	Trương Thị Tuyết	Sương	09/3/1996		15CVL	6.1	C	7.5	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
680	313022151145	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	21/4/1996	Đà Nẵng	15CVL	4.7	D	0.0	F			5.8	C	5.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
681	313022151146	Đỗ Phú	Thiện	30/7/1996		15CVL	6.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
682	313022151147	Nguyễn Hoàng	Thiên	09/9/1997		15CVL	6.2	C									Thiếu điểm	Không đạt	
683	313022151148	Nguyễn Tấn	Thịnh	23/8/1997		15CVL	7.6	B			2.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
684	313022151150	Trịnh Thị	Thừa	07/4/1997		15CVL	5.5	C	6.4	C							Thiếu điểm	Không đạt	
685	313022151151	Lê Văn	Thương	29/3/1997		15CVL	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
686	313022151152	Trần Đình	Tôn	14/02/1997		15CVL	7.3	B	6.4	C	6.8	C	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
687	313022151153	Thái Phương	Trâm	28/4/1997		15CVL	5.2	D									Thiếu điểm	Không đạt	
688	313022151154	Phạm Minh	Trâm	21/4/1996		15CVL	5.6	C	4.3	D							Thiếu điểm	Không đạt	
689	313022151155	Trần Thị Thùy	Trang	25/01/1997	Đà Nẵng	15CVL	7.3	B	7.6	B	7.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
690	313022151156	Nguyễn Thị Thanh	Trang	02/9/1997	Đà Nẵng	15CVL	5.6	C	4.8	D	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
691	313022151157	Trần Minh	Trí	01/5/1996	Đà Nẵng	15CVL	6.1	C			7.1	B	7.0	B	0.9	F	Thiếu điểm	Không đạt	
692	313022151158	Nguyễn Văn	Trí	29/11/1997		15CVL	7.3	B	4.1	D	6.3	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
693	313022151162	Trần Văn	Tựu	01/12/1995		15CVL	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
694	313022151163	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	24/12/1996		15CVL	5.6	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
695	313022151165	Nguyễn Tấn	Việt	19/12/1997	Quảng Nam	15CVL	7.3	B	7.1	B			7.9	B	8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
696	313022151166	Nguyễn	Vũ	14/3/1996		15CVL											Thiếu điểm	Không đạt	
697	313022151167	Nguyễn Anh	Vũ	30/9/1997		15CVL	7.6	B	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
698	313022151168	Phan Dương	Vũ	15/01/1997		15CVL											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
699	313022151169	Nguyễn Minh	Vương	11/6/1997	Quảng Nam	15CVL	6.8	C	6.4	C	7.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
700	313022151170	Trần Thị Thục	Vy	12/10/1997		15CVL	5.6	C	6.4	C	7.1	B					Thiếu điểm	Không đạt	
701	313022151172	Trần Thị Ngọc	Vỹ	26/6/1997		15CVL	5.6	C	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
702	313022151173	Huỳnh Thị Nguyên	Xuân	07/02/1997		15CVL	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
703	318022151105	Trần Thị Thúy	Bình	04/11/1997		15CVNH	8.9	A									Thiếu điểm	Không đạt	
704	318022151106	Lê Thị	Cẩm	12/10/1997		15CVNH	7.9	B	6.9	C							Thiếu điểm	Không đạt	
705	318022151108	Trương Thị Tú	Diễm	20/4/1997		15CVNH	7.7	B	6.1	C	6.4	C	7.8	B			Thiếu điểm	Không đạt	
706	318022151119	Lê Thị	Hạ	16/7/1996		15CVNH	7.7	B	7.0	B	7.7	B	7.9	B	7.2	B	3.00	Khá	
707	318022151121	Phùng Trường	Hân	02/01/1996		15CVNH	8.9	A	5.9	C	3.2	F	8.1	B	6.9	C	2.20	Không đạt	
708	318022151122	Ngô Thị Thanh	Hằng	18/5/1997		15CVNH	7.9	B	7.6	B	7.0	B	9.2	A	9.4	A	3.40	Giỏi	
709	318022151123	Võ Thị Tuyết	Hạnh	05/5/1997		15CVNH	8.2	B	7.1	B	6.1	C	6.2	C	2.4	F	2.00	Không đạt	
710	318022151130	Tô Quang	Huy	06/02/1997		15CVNH	7.4	B	1.2	F							Thiếu điểm	Không đạt	
711	318022151137	Ngô Thị	Ly	01/8/1997		15CVNH	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
712	318022151138	Nguyễn Thị	Mai	06/6/1997		15CVNH	6.9	C	6.8	C	7.3	B	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
713	318022151140	Lê Thị Yến	Mi	28/6/1996		15CVNH	8.9	A	7.2	B	7.9	B	6.4	C			Thiếu điểm	Không đạt	
714	318022151144	Nguyễn Công Thị Thảo My		15/7/1997		15CVNH	7.4	B	6.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
715	318022151146	Nguyễn Thị Như	Ngọc	12/01/1996		15CVNH	7.7	B	7.9	B	6.8	C	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
716	318022151154	Trần Thị	Phượng	02/4/1997		15CVNH	7.9	B									Thiếu điểm	Không đạt	
717	318022151155	Phạm Thị Ga	Ri	16/8/1997		15CVNH											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
718	318022151158	Vô Văn	Thắng	08/8/1997		15CVNH	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
719	318022151159	Phan Trần Ngọc	Thanh	05/01/1997		15CVNH	7.9	B	7.3	B	7.7	B	8.3	B	8.0	B	3.00	Khá	
720	318022151161	Hứa Thị Phương	Thảo	09/12/1997		15CVNH	6.7	C	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
721	318022151170	Hoàng Thị	Trang	15/7/1997		15CVNH	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
722	318022151175	Lê Thị	Tư	18/12/1997		15CVNH	6.5	C	5.8	C	6.0	C					Thiếu điểm	Không đạt	
723	318022151181	Vũ Thị Hoàng	Yến	13/7/1997		15CVNH	7.3	B	7.4	B							Thiếu điểm	Không đạt	
724	319011151105	Nguyễn Thị Xuân	Đào	12/9/1997		15SDL	7.0	B	6.8	C	2.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
725	319011151110	Huỳnh Nguyên Ngọc	Hiền	03/10/1997		15SDL	7.6	B	2.7	F	6.2	C	7.4	B	8.2	B	2.20	Không đạt	
726	319011151111	Y	Hình	19/5/1997		15SDL	8.4	B	7.4	B							Thiếu điểm	Không đạt	
727	319011151113	Phạm Thị	Hoài	24/3/1997		15SDL	7.3	B	2.2	F							Thiếu điểm	Không đạt	
728	319011151115	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/01/1997		15SDL	7.9	B	7.7	B	6.4	C	3.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
729	319011151118	Nguyễn Thị	Huyền	02/11/1997		15SDL	7.3	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
730	319011151121	Lê Thị Hồng	Lê	16/01/1997		15SDL	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
731	319011151130	Nguyễn Thị	Nga	15/11/1996		15SDL	7.0	B	7.1	B	7.7	B	7.9	B			Thiếu điểm	Không đạt	
732	319011151140	Nguyễn Phạm Huyền	Trang	25/12/1997		15SDL	7.3	B	7.1	B	8.1	B			8.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
733	319011151144	Alăng	Úy	27/5/1995	Quảng Nam	15SDL	8.5	A	8.4	B			10.0	A	9.7	A	Thiếu điểm	Không đạt	
734	316011151105	Văn Thụy Thiên	Chiêu	23/9/1997	Quảng Trị	15SGC	5.9	C									Thiếu điểm	Không đạt	
735	316011151108	Đỗ Thị	Duyên	02/9/1997		15SGC	8.4	B	3.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
736	316011151109	Phan	Hân	15/5/1997		15SGC	5.5	C	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
737	316011151113	Đinh Thị	Hường	20/11/1997		15SGC	7.4	B	7.2	B	6.0	C	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
738	316011151115	Pờ Loong	Lan	05/10/1997		15SGC	7.6	B	6.9	C	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
739	316011151125	Nguyễn Văn	Quang	22/4/1996	Quảng Trị	15SGC	5.8	C	6.0	C	7.4	B			6.3	C	Thiếu điểm	Không đạt	
740	316011151127	Phomsamouth	Sisouphanh	10/6/1992	Lào	15SGC	3.0	F			7.3	B	7.5	B	7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
741	316011151128	Đặng Thị Thu	Sương	04/7/1996		15SGC	8.1	B	6.8	C	6.6	C	7.7	B	6.2	C	2.40	Trung bình	
742	316011151129	Dương Thị	Tâm	23/02/1997		15SGC	9.0	A	6.0	C	8.6	A	7.1	B	6.0	C	3.00	Khá	
743	316011151129	Dương Thị	Tâm	23/10/1997	Quảng Nam	15SGC											Thiếu điểm	Không đạt	
744	316011151132	Nguyễn Trung	Thành	24/12/1995		15SGC	3.7	F			4.2	D	5.6	C	5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
745	316011151133	Lê Hồ Xuân	Thảo	09/02/1997		15SGC	5.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
746	316011151136	Nguyễn Văn	Thời	06/10/1996		15SGC	6.6	C	6.3	C	6.0	C	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
747	316011151139	Lê Thế	Thương	30/4/1996		15SGC	5.9	C									Thiếu điểm	Không đạt	
748	316011151140	Phùng Thị Hồng	Thương	12/3/1997		15SGC	8.9	A	6.1	C							Thiếu điểm	Không đạt	
749	316011151141	Đặng Thị Ngọc	Thúy	06/5/1996		15SGC	5.9	C	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
750	316011151148	Phan Thanh	Trạng	08/6/1997	Quảng Ngãi	15SGC	5.9	C	2.5	F	6.3	C	6.4	C	5.9	C	1.60	Không đạt	
751	316011151153	Lê Thị Hoàng	Uyên	30/01/1997	Quảng Nam	15SGC	8.1	B	6.8	C	6.0	C	0.9	F			Thiếu điểm	Không đạt	
752	314011151101	Nguyễn Đăng	An	10/12/1997	Quảng Ngãi	15SHH	6.3	C	5.7	C	8.1	B	4.9	D	4.7	D	1.80	Không đạt	
753	314011151104	Nguyễn Đăng	Châu	18/8/1997	Quảng Nam	15SHH	5.0	D	6.1	C	6.1	C	5.1	D	5.8	C	1.60	Không đạt	
754	314011151109	Võ Việt	Đại	18/12/1997	Quảng Nam	15SHH	5.0	D	5.9	C	6.9	C	5.6	C	6.9	C	1.80	Không đạt	
755	318011151112	Huỳnh Công	Hiếu	09/4/1997	Quảng Nam	15SLS	5.3	D	5.5	C	6.3	C	6.4	C	6.8	C	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
756	318011151117	Nguyễn Đắc	Khỏe	30/11/1995	Quảng Nam	15SLS	6.2	C			6.0	C	5.6	C	8.9	A	Thiếu điểm	Không đạt	
757	318011151119	Huỳnh Thị	Lý	02/5/1996		15SLS	7.6	B	7.1	B	7.4	B	7.8	B	5.7	C	2.80	Khá	
758	318011151123	Huỳnh Thị Tiểu	My	11/6/1997	Quảng Nam	15SLS	6.8	C	6.3	C	4.3	D	6.6	C	6.3	C	1.80	Không đạt	
759	318011151125	Thái Thị Thanh	Na	24/3/1997		15SLS	4.0	D									Thiếu điểm	Không đạt	
760	318011151130	Lê Thị	Niên	16/8/1997		15SLS	8.2	B	6.0	C	6.8	C	7.7	B			Thiếu điểm	Không đạt	
761	318011151132	Nguyễn Phạm Hoàng	Phúc	20/5/1997		15SLS	4.3	D	4.2	D	4.9	D	8.2	B	7.2	B	1.80	Không đạt	
762	318011151133	Lê Thị Thúy	Phụng	12/8/1997		15SLS	8.2	B	6.8	C	6.0	C	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
763	318011151136	Trần Thị Thảo	Sương	10/11/1997		15SLS	7.9	B									Thiếu điểm	Không đạt	
764	318011151137	Trần Đức	Thắng	15/7/1997		15SLS	6.2	C									Thiếu điểm	Không đạt	
765	318011151150	Nguyễn Quốc	Việt	22/7/1997	Kon Tum	15SLS	5.6	C	4.8	D	6.0	C	5.8	C	6.0	C	1.80	Không đạt	
766	323011151102	Võ Thị Thùy	Dung	11/4/1997		15SMN	7.9	B	7.2	B							Thiếu điểm	Không đạt	
767	323011151119	Lê Thị Ngọc	Linh	17/3/1997		15SMN	8.7	A	8.1	B							Thiếu điểm	Không đạt	
768	323011151121	Đào Thị	Linh	01/02/1997	Gia Lai	15SMN	8.2	B	5.3	D	7.3	B			6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
769	323011151125	Lê Thị Diệu	Ly	18/12/1997		15SMN	7.9	B	7.4	B	7.2	B	7.5	B	5.8	C	2.80	Khá	
770	323011151148	Vũ Thị Huyền	Trâm	26/7/1997		15SMN	7.0	B	6.7	C	7.5	B	7.0	B	6.0	C	2.60	Khá	
771	317011151101	Lê Minh	Anh	03/8/1997		15SNV	7.3	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
772	317011151109	Nguyễn Thế	Hiếu	12/6/1996	Quảng Bình	15SNV	6.8	C	6.9	C	6.5	C			6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
773	317011151115	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	27/4/1997	Hà Nội	15SNV	6.8	C	3.7	F	5.7	C	5.6	C	8.1	B	1.80	Không đạt	
774	317011151116	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	06/11/1997		15SNV	6.8	C	7.7	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
775	317011151119	Nguyễn Thanh	Luyền	25/12/1997		15SNV	8.0	B	7.6	B	7.3	B	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
776	317011151123	Trần Thị	Nga	29/12/1997		15SNV	6.8	C	5.5	C	7.3	B	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
777	317011151128	Huỳnh Ngọc	Nghĩa	16/4/1997		15SNV	6.5	C	5.1	D	6.0	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
778	312011151102	Lê Quý	Chiến	02/5/1996		15SPT	4.3	D	6.3	C							Thiếu điểm	Không đạt	
779	312011151104	Nguyễn Ngọc	Đức	30/11/1997		15SPT	4.2	D	6.6	C	6.3	C	4.0	D			Thiếu điểm	Không đạt	
780	312011151105	Nguyễn Ngọc	Đức	07/5/1996		15SPT	5.9	C	6.1	C	2.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
781	312011151109	Trương Quang	Hiển	09/01/1993		15SPT	2.6	F			4.7	D	4.7	D			Thiếu điểm	Không đạt	
782	312011151110	Đặng Ngọc	Hoàng	09/4/1997		15SPT											Thiếu điểm	Không đạt	
783	312011151111	Nguyễn Thanh Nhật	Hương	07/10/1997		15SPT	6.7	C	5.9	C	6.0	C	5.2	D			Thiếu điểm	Không đạt	
784	312011151112	Bảo Quý	Huy	22/11/1997		15SPT	4.1	D	2.1	F	6.4	C			8.9	A	Thiếu điểm	Không đạt	
785	312011151113	Lê Tùng	Khánh	19/9/1997		15SPT	4.6	D									Thiếu điểm	Không đạt	
786	312011151116	Hồ Quốc	Linh	24/7/1996		15SPT	7.7	B	7.1	B							Thiếu điểm	Không đạt	
787	312011151118	Nguyễn Lê Thanh	Linh	05/02/1995		15SPT	4.5	D	6.6	C			7.3	B	7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
788	312011151125	Nguyễn	Phương	18/01/1997		15SPT											Thiếu điểm	Không đạt	
789	312011151132	Nguyễn Thị Anh	Thi	26/10/1997		15SPT	6.7	C	5.5	C							Thiếu điểm	Không đạt	
790	312011151140	Trương Quang	Trường	16/3/1997	Đà Nẵng	15SPT	4.8	D	6.5	C	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
791	312011151147	Nguyễn Hữu	Vinh	27/6/1997		15SPT	7.0	B									Thiếu điểm	Không đạt	
792	312011151150	Nguyễn Như	Quỳnh	22/3/1997		15SPT	7.4	B	6.3	C							Thiếu điểm	Không đạt	
793	315011151103	Souphida	Daosamay	09/9/1995		15SS	6.0	C	7.8	B	8.0	B	7.6	B	7.9	B	2.80	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
794	315011151103	Daosamay Souphida		Lào	15SS											Thiếu điểm	Không đạt	
795	315011151104	Huỳnh Thị Phương Dung	14/4/1997		15SS											Thiếu điểm	Không đạt	
796	315011151105	Đoàn Thị Thùy Dương	25/02/1997		15SS	5.7	C	4.1	D							Thiếu điểm	Không đạt	
797	315011151109	Lê Thị Hằng	15/6/1997		15SS											Thiếu điểm	Không đạt	
798	315011151110	Phan Thị Minh Hiền	23/02/1993		15SS											Thiếu điểm	Không đạt	
799	315011151113	Nguyễn Thị Hoàng Huyền	26/5/1997		15SS	6.5	C	6.4	C							Thiếu điểm	Không đạt	
800	315011151118	Tướng Kiều Liên	01/01/1997		15SS	6.1	C									Thiếu điểm	Không đạt	
801	315011151119	Trần Thị Liên	07/02/1997		15SS	4.0	D									Thiếu điểm	Không đạt	
802	315011151122	Phan Khánh Ly	02/9/1997		15SS	7.5	B									Thiếu điểm	Không đạt	
803	315011151125	Phan Trần Hạnh Nguyên	18/10/1997		15SS											Thiếu điểm	Không đạt	
804	315011151128	Đinh Thị Quỳnh Như	12/01/1997		15SS	7.0	B									Thiếu điểm	Không đạt	
805	315011151130	Nguyễn Thị Phụng	24/12/1997		15SS	6.5	C	6.6	C	6.0	C					Thiếu điểm	Không đạt	
806	315011151137	Lê Thị Thanh Thảo	05/4/1997		15SS	6.0	C	6.8	C	6.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
807	315011151141	Kiều Quốc Toàn	16/12/1997	Quảng Ngãi	15SS	5.7	C	5.5	C	5.8	C	5.3	D	6.5	C	1.80	Không đạt	
808	315011151144	Lê Ngọc Phương Trinh	21/8/1997		15SS											Thiếu điểm	Không đạt	
809	315011151146	Võ Đoàn Anh Tuyên	13/6/1997		15SS	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
810	311011151102	Nguyễn Phú Bình	20/6/1997		15ST	5.9	C	4.8	D	6.5	C	7.0	B	6.9	C	2.00	Trung bình	
811	311011151104	Thái Đức Cường	14/11/1991		15ST											Thiếu điểm	Không đạt	
812	311011151106	Nguyễn Văn Dũng	06/6/1996		15ST	5.4	D	1.5	F							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
813	311011151109	Hồ Anh	Điền	20/12/1996	Quảng Ngãi	15ST			6.3	C	6.8	C	7.6	B	8.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
814	311011151117	Trần Ngọc Anh	Huy	08/11/1997		15ST	5.4	D	6.8	C	6.2	C	4.7	D	7.9	B	1.80	Không đạt	
815	311011151127	Bùi Thị Hồng	My	01/10/1997		15ST	7.6	B	8.1	B			7.9	B	8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
816	311011151131	Vũ Phương	Nhi	01/11/1997		15ST	7.6	B	7.2	B	8.2	B	7.1	B	8.5	A	3.20	Giỏi	
817	311011151132	Nguyễn Thị Lan	Nhi	18/01/1997		15ST											Thiếu điểm	Không đạt	
818	311011151136	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/7/1997		15ST	6.0	C	6.3	C	1.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
819	311011151142	Lâm Quang	Thuận	15/4/1997		15ST	5.9	C	6.1	C	4.7	D	6.3	C	6.5	C	1.80	Không đạt	
820	311011151148	Lê Văn	Trung	22/02/1997		15ST	5.7	C	7.0	B	4.4	D	4.8	D	6.8	C	1.80	Không đạt	
821	311011151149	Nguyễn Văn	Tư	01/5/1996		15ST	4.8	D	6.0	C	7.5	B					Thiếu điểm	Không đạt	
822	311011151153	Lê Thị Cẩm	Uyên	03/01/1996		15ST	5.9	C	5.9	C	4.0	D	5.5	C	6.5	C	1.80	Không đạt	
823	322011151112	Nguyễn Thị	Hằng	30/8/1994		15STH											Thiếu điểm	Không đạt	
824	322011151128	Đinh Phương	Loan	02/5/1997		15STH	7.4	B	6.1	C	6.0	C	6.0	C	6.3	C	2.20	Trung bình	
825	313011151101	Nguyễn Hữu	Bảo	20/5/1997		15SVL	7.2	B	7.1	B	6.3	C	9.0	A	8.4	B	3.00	Khá	
826	313011151103	Nguyễn Thị Kim	Chi	17/8/1996		15SVL	6.7	C	7.3	B	7.6	B	6.7	C	8.4	B	2.60	Khá	
827	313011151104	Đỗ Bùi Phương	Chi	27/3/1997		15SVL	5.6	C	6.6	C	6.0	C	5.8	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
828	313011151105	Văn Phú	Chiến	05/8/1991		15SVL											Thiếu điểm	Không đạt	
829	313011151106	Võ Thị Ngọc	Diễm	14/10/1997		15SVL	6.7	C	7.3	B	7.7	B	8.0	B	7.0	B	2.80	Khá	
830	313011151107	Mai Phước	Đạt	17/3/1996		15SVL	6.9	C	7.1	B	6.5	C	6.0	C	7.1	B	2.40	Trung bình	
831	313011151108	Lê Thị	Đông	30/8/1997		15SVL	7.4	B	7.5	B	7.9	B	7.3	B	7.7	B	3.00	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
832	313011151109	Vô Thị Hậu	13/02/1997		15SVL	6.6	C	6.8	C	9.3	A	6.1	C	7.4	B	2.60	Khá	
833	313011151110	Nguyễn Khánh Hiền	04/5/1996		15SVL	6.9	C	5.9	C	7.6	B	9.0	A	8.1	B	2.80	Khá	
834	313011151111	Đặng Thị Mỹ Hiền	25/5/1997		15SVL	6.1	C	5.9	C	7.2	B	7.5	B	5.8	C	2.40	Trung bình	
835	313011151112	Huỳnh Thị Thu Hiền	08/8/1997		15SVL	6.1	C	5.9	C	6.7	C	8.0	B	7.1	B	2.40	Trung bình	
836	313011151113	Nguyễn Thị Thúy Hoàng	11/7/1997		15SVL	8.4	B	7.6	B	9.2	A	8.1	B	8.9	A	3.40	Giỏi	
837	313011151114	Lê Thị Minh Hồng	24/3/1997		15SVL	0.0	F									Thiếu điểm	Không đạt	
838	313011151115	Lê Thị Thu Hường	26/9/1997		15SVL	7.4	B	8.1	B	8.1	B	7.1	B	8.4	B	3.00	Khá	
839	313011151116	Huỳnh Thị Thu Hương	29/01/1996		15SVL	7.4	B	6.8	C	9.2	A	7.9	B	8.5	A	3.20	Giỏi	
840	313011151117	Phạm Thị Huyền	20/10/1997		15SVL	7.6	B	6.4	C	7.2	B	6.0	C	7.3	B	2.60	Khá	
841	313011151118	Lương Thu Huyền	17/9/1997		15SVL	6.4	C	7.2	B	6.3	C	6.6	C	7.9	B	2.40	Trung bình	
842	313011151119	Ngô Thị Lành	22/02/1996		15SVL	6.4	C	5.4	D	6.7	C	6.0	C	7.0	B	2.00	Trung bình	
843	313011151120	Lưu Thị Khánh Linh	25/9/1996		15SVL	7.6	B	6.9	C	7.9	B	6.2	C	7.3	B	2.60	Khá	
844	313011151121	Phạm Thị Mai Luyến	10/6/1996		15SVL	7.1	B	5.6	C	5.8	C	7.0	B	7.6	B	2.60	Khá	
845	313011151122	Vô Thị Hoàng Ngân	19/10/1997		15SVL	6.7	C	6.5	C	6.3	C	6.0	C	7.8	B	2.20	Trung bình	
846	313011151123	Nguyễn Đức Thảo Nguyên	05/9/1997		15SVL	5.9	C	6.8	C	10.0	A	7.3	B	5.7	C	2.60	Khá	
847	313011151124	Trần Thị Ngọc Nguyên	27/4/1997		15SVL	5.6	C	7.2	B	7.5	B	7.0	B	6.4	C	2.60	Khá	
848	313011151125	Văn Tấn Nhân	19/5/1996		15SVL											Thiếu điểm	Không đạt	
849	313011151126	Lê Thị Ý Nhi	20/11/1997		15SVL	6.9	C	7.7	B	7.6	B	6.2	C	6.7	C	2.40	Trung bình	
850	313011151127	Đỗ Thị Hồng Nhung	25/02/1997		15SVL	5.1	D	6.8	C	6.8	C	5.8	C	7.0	B	2.00	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
851	313011151128	Tạ Thị Mê	Ninh	13/01/1997		15SVL	6.9	C	6.2	C	8.4	B	6.6	C	7.5	B	2.40	Trung bình	
852	313011151129	Đỗ Hoàng	Phúc	14/9/1995		15SVL	6.4	C	7.1	B	8.7	A	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
853	313011151130	Trần Văn	Quang	27/7/1997		15SVL	7.7	B									Thiếu điểm	Không đạt	
854	313011151131	Phạm Nhật	Quang	04/4/1997		15SVL	6.9	C	4.8	D	6.1	C	7.9	B	7.1	B	2.20	Trung bình	
855	313011151132	Phan Thị	Quyên	26/02/1997		15SVL	5.1	D	6.2	C	8.0	B	7.6	B	6.9	C	2.20	Trung bình	
856	313011151133	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/4/1997		15SVL	7.6	B	7.4	B	7.1	B	6.3	C	7.9	B	2.80	Khá	
857	313011151134	Phạm Văn	Thành	08/9/1997		15SVL	6.2	C	6.8	C	6.8	C	7.3	B	7.9	B	2.40	Trung bình	
858	313011151135	Trần Thị	Thạnh	16/6/1995		15SVL	7.6	B	7.7	B	7.9	B	8.3	B	7.9	B	3.00	Khá	
859	313011151136	Lê Viết	Thành	01/01/1997		15SVL	6.2	C	5.5	C	7.0	B	7.8	B	8.3	B	2.60	Khá	
860	313011151137	Đỗ Thị Minh	Thùy	28/9/1997		15SVL	5.6	C	6.0	C	6.5	C	6.0	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
861	313011151138	Võ Thị Thanh	Tiền	08/02/1997		15SVL	6.9	C	6.0	C	7.7	B	6.6	C	7.2	B	2.40	Trung bình	
862	313011151139	Nguyễn Thụy Thủy	Tiên	12/5/1997		15SVL	6.1	C	7.8	B	6.0	C	7.1	B	8.8	A	2.80	Khá	
863	313011151140	Tạ Công	Tính	26/12/1997		15SVL	7.7	B	7.1	B	7.9	B	6.7	C	7.9	B	2.80	Khá	
864	313011151141	Huỳnh Huệ	Trâm	05/11/1997		15SVL	5.9	C									Thiếu điểm	Không đạt	
865	313011151142	Trần Thị Thùy	Trang	01/6/1997		15SVL	6.1	C	7.6	B	8.7	A	6.7	C	6.9	C	2.60	Khá	
866	313011151143	Phạm Thị Thu	Trang	17/10/1997		15SVL	6.6	C	6.2	C	4.8	D	5.1	D	7.6	B	1.80	Không đạt	
867	313011151144	Võ Trần Kiều	Trình	14/7/1997		15SVL	6.6	C	7.7	B	8.2	B	5.9	C	8.0	B	2.60	Khá	
868	313011151145	Huỳnh Thị Kiều	Trình	30/5/1997		15SVL	7.4	B	6.9	C	7.1	B	6.3	C	7.9	B	2.60	Khá	
869	313011151146	Hà Thị	Trình	27/12/1997		15SVL	6.9	C	7.4	B	6.7	C	6.2	C	6.3	C	2.20	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
870	313011151147	Nguyễn Thị Duy Trinh	24/3/1997		15SVL	6.6	C	6.7	C	7.6	B	6.6	C	6.5	C	2.20	Trung bình	
871	313011151148	Nguyễn Việt Tú	20/8/1997		15SVL	5.4	D	5.7	C	7.0	B	6.6	C	6.6	C	2.00	Trung bình	
872	313011151150	Phạm Thị Phương Tuyền	27/8/1997		15SVL	6.6	C	5.9	C	6.8	C	6.1	C	6.3	C	2.00	Trung bình	
873	313011151151	Nguyễn Văn	02/7/1997		15SVL	7.2	B	7.3	B	9.6	A	9.2	A	8.5	A	3.60	Xuất sắc	
874	313011151152	Võ Thị Thanh Xuân	24/02/1996		15SVL	7.1	B	7.4	B	9.2	A	7.1	B	7.1	B	3.20	Giỏi	

Tổng cộng: 874 sinh viên .

LẬP DANH SÁCH

TỔ TRƯỞNG TỔ ĐÀO TẠO, CTSV

Q. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Sương

ThS. Nguyễn Xuân Hiền

ThS. Võ Đình Hợp